

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Hương Sen
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ngô Thị Thanh Huyền

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Hương Sen
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ngô Thị Thanh Huyền**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Hương Sen

Mã SV: 120544

Lớp: QT1206K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: **Hoàn thiện tổ chức kế toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu.
 - Mô tả, phân tích thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng trong 3 năm gần đây.
 - Số liệu về thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty Cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: ThS.Ngô Thị Thanh Huyền

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Trung cấp lương thực thực phẩm

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Vũ Thị Hương Sen

Ngô Thị Thanh Huyền

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ, chịu khó
- Khiêm tốn, cầu thị
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng tiến độ làm khóa luận tốt nghiệp

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận tốt nghiệp được tác giả trình bày trong 95 trang, kết cấu logic, hợp lý.

Tác giả đã hoàn thành những nhiệm vụ cơ bản của đề tài từ tập hợp số liệu, khảo sát các thông tin cụ thể, chi tiết của đề tài. Số liệu khảo sát minh họa phong phú, có độ tin cậy cao. Trên cơ sở khảo sát, tác giả đã đề xuất được một số biện pháp cụ thể áp dụng tại đơn vị.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP....	3
1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	3
1.1.1. Vị trí của nguyên vật liệu đối với doanh nghiệp xây lắp:.....	3
1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu	3
1.1.1.2. Vị trí của nguyên vật liệu.....	3
1.1.2. Đặc điểm, yêu cầu quản lý vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp	4
1.1.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu.....	4
1.1.2.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.....	4
1.1.3. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp xây lắp	5
1.2. PHÂN LOẠI VÀ ĐÁNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU	6
1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu	6
1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây lắp.....	7
1.2.2.1.Đánh giá vật liệu theo giá thực tế.....	8
1.2.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán	10
1.3. KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU	11
1.3.1. Chứng từ sử dụng	11
1.3.2. Các phương pháp kế toán chi tiết vật liệu.....	16
1.3.2.1. Phương pháp thẻ song song	16
1.3.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	19
1.3.2.3. Phương pháp sổ số dư	21
1.4. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU.....	23
1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	24
1.4.1.1. TK sử dụng.....	24
1.4.1.2. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu với NVL	26

1.4.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	32
1.4.2.1. Tài khoản sử dụng	32
1.4.2.2. Phương pháp hạch toán	33
1.5. TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN SỬ DỤNG CHO KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	38
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG	47
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng	47
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải phòng.....	47
2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng.....	48
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	51
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	51
2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ tại công ty	52
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán	52
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	54
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng.....	54
2.2.1. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.	54
2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu	54
2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu.....	55
2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty	55
2.2.2.1. Thủ tục nhập xuất nguyên vật liệu	55
2.2.2.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng	57
2.2.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng.....	80

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng	80
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng	80
2.2.3.3. Quy trình hạch toán	80
2.2.4. Công tác kiểm kê kho ở Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng.....	91
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG	92
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng	92
3.1.1. Ưu điểm.....	93
3.1.2. Hạn chế.....	94
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CPXD công trình đường bộ Hải Phòng	95
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện:.....	95
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện:.....	96
3.2.3. Nội dung hoàn thiện:	96
3.2.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp kế toán nguyên vật liệu trong công ty	109
KẾT LUẬN	110
TÀI LIỆU THAM KHẢO	111

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay, nền kinh tế quốc dân nói chung và trong từng doanh nghiệp xây lắp nói riêng đã không ngừng được đổi mới và phát triển cả hình thức, quy mô và hoạt động xây lắp. Cho đến nay cùng với chính sách mở cửa các DN tiến hành hoạt động xây lắp đã góp phần quan trọng trong việc thiết lập nền kinh tế thị trường và đẩy nền kinh tế hàng hóa trên đà ổn định và phát triển. Thực hiện hạch toán trong cơ chế hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp xây lắp phải tự lấy thu bù chi, tự lấy thu nhập của mình để bù đắp những chi phí bỏ ra và có lợi nhuận. Để thực hiện những yêu cầu đó các đơn vị phải quan tâm tới tất cả các khâu trong quá trình thi công từ khâu bỏ vốn cho đến khi thu được vốn về, đảm bảo thu nhập cho đơn vị thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với NSNN và thực hiện tái sản xuất mở rộng. Muốn vậy các đơn vị xây lắp phải thực hiện tổng hòa nhiều biện pháp, trong đó biện pháp quan trọng hàng đầu không thể thiếu được là thực hiện quản lý kinh tế trong mọi hoạt động xây lắp của DN.

Hạch toán là một trong những công cụ có hiệu quả nhất để phản ánh khách quan và giám đốc có hiệu quả quá trình xây lắp của DN.

Chi phí vật liệu là một trong những yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, thông thường chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn khoảng từ 70% giá trị công trình. Vì thế công tác quản lý nguyên vật liệu có ý nghĩa vô cùng quan trọng, thông qua công tác quản lý nguyên vật liệu có thể làm tăng hoặc giảm giá thành công trình. Từ đó buộc các DN phải quan tâm tới việc tiết kiệm triệt để, làm sao cho với một lượng chi phí vật liệu như cũ sẽ làm ra được nhiều sản phẩm xây lắp hơn, tức là làm cho giá thành giảm đi mà vẫn đảm bảo chất lượng. Bởi vậy làm tốt công tác kế toán nguyên vật liệu là nhân tố quyết định hạ thấp chi phí giảm giá thành, tăng thu nhập cho DN, đây là một yêu cầu thiết thực, một vấn đề đang được quan tâm nhiều trong quá trình thi công xây lắp của các DN xây lắp hiện nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu trong việc quản lý chi phí của DN. Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

dựng công trình đường bộ Hải Phòng em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng” làm báo cáo khóa luận tốt nghiệp của mình. Trong quá trình nghiên cứu về lý luận thực tế để hoàn thành đề tài, em nhận được sự tận tình giúp đỡ của cô giáo Thạc sỹ Ngô Thị Thanh Huyền và các thầy cô giáo trong khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học dân lập Hải Phòng. Cùng với các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tài chính Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng, kết hợp với kiến thức học hỏi ở trường và sự nỗ lực của bản thân nhưng do thời gian và trình độ chuyên môn còn hạn chế, nên báo cáo của em không thể tránh được những thiếu sót.

Nội dung của bài báo cáo này ngoài lời mở đầu và kết luận được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng.

Chương 3: Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1.1. Vị trí của nguyên vật liệu đối với doanh nghiệp xây lắp:

1.1.1.1. *Khái niệm nguyên vật liệu*

Nguyên vật liệu là một bộ phận trọng yếu của tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu là đối tượng của lao động đã qua sự tác động của con người. Trong quá trình thi công xây dựng công trình, chi phí cho ngành xây lắp gắn liền với việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu, máy móc thiết bị thi công và trong quá trình đó nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành lên sản phẩm công trình. Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ và chuyển giá trị một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Như vậy: Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hóa, là tài sản dự trữ ngắn hạn của doanh nghiệp.

1.1.1.2. *Vị trí của nguyên vật liệu*

- Trong doanh nghiệp xây lắp chi phí về nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn từ 65%-70% trong tổng giá trị công trình.

- Chất lượng nguyên vật liệu được cung cấp ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công trình- một điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp có uy tín và tồn tại trên thị trường.

- Nếu thiếu nguyên vật liệu thì không thể tiến hành các hoạt động sản xuất vật chất nói chung và quá trình thi công xây lắp nói riêng.

Trong quá trình thi công xây dựng công trình, thông qua công tác kế toán nguyên vật liệu từ đó có thể đánh giá những khoản chi phí chưa hợp lý, lãng phí hay tiết kiệm. Bởi vậy cần tập trung quản lý chặt chẽ vật liệu ở tất cả các khâu: thu

mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu nhằm hạ thấp chi phí trong chừng mực nhất định, giảm mức tiêu hao vật liệu trong sản xuất còn là cơ sở để tăng thêm sản phẩm cho xã hội.

1.1.2. Đặc điểm, yêu cầu quản lý vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu

➤ *Về mặt hiện vật:* Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm nguyên vật liệu chỉ tham gia vào 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ.

➤ *Về mặt giá trị:* Giá trị của nguyên vật liệu chuyển dịch một lần vào giá trị sản phẩm mới được tạo ra.

1.1.2.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Xây dựng cơ bản là một ngành sản xuất vật chất mang tính chất công nghiệp, sản phẩm của ngành xây dựng là những công trình, hạng mục công trình có quy mô lớn, kết cấu phức tạp và thường cố định ở nơi sản xuất (thi công) còn các điều kiện khác đều phải di chuyển theo địa điểm xây dựng. Từ đặc điểm riêng của ngành xây dựng làm cho công tác quản lý, sử dụng vật liệu phức tạp vì chịu ảnh hưởng của môi trường bên ngoài nên cần xây dựng định mức cho phù hợp với điều kiện thi công thực tế. Quản lý vật liệu là yếu tố khách quan của mọi nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên do trình độ sản xuất khác nhau nên phạm vi mức độ và phương pháp quản lý cũng khác nhau.

Hiện nay nền sản xuất ngày càng mở rộng và phát triển trên cơ sở thỏa mãn không ngừng nhu cầu vật chất và văn hóa của mọi tầng lớp trong xã hội. Việc sử dụng nguyên vật liệu một cách hợp lý, có kế hoạch ngày càng được coi trọng. Công tác quản lý nguyên vật liệu là nhiệm vụ của tất cả mọi người nhằm tăng hiệu quả kinh tế cao mà hao phí lại ít nhất. Công việc hạch toán vật liệu ảnh hưởng và quyết định đến việc hạch toán giá thành, cho nên để đảm bảo tính chính xác của việc hạch toán giá thành thì trước hết cũng phải hạch toán chính xác vật liệu.

Để làm tốt công tác hạch toán nguyên vật liệu đòi hỏi chúng ta phải quản lý chặt chẽ ở mọi khâu từ thu mua, bảo quản, dự trữ cho đến sử dụng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ *Trong khâu thu mua:* Vật liệu phải được quản lý về khối lượng, quy cách chủng loại, giá mua và chi phí thu mua, thực hiện kế hoạch mua theo đúng tiến độ thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của DN. Bộ phận kế toán tài chính cần có quyết định đúng đắn ngay từ đầu trong việc lựa chọn nguồn vật tư, địa điểm giao hàng, thời gian cung cấp, phương tiện vận chuyển nhất là về giá mua, cước phí vận chuyển, bốc dỡ.....cần phải dự toán được những biến động cung cầu và giá cả vật tư trên thị trường nhằm đề ra biện pháp thích ứng. Đồng thời thông qua thanh toán, kế toán vật liệu cần kiểm tra lại giá mua vật liệu, các chi phí vận chuyển và tình hình thực hiện hợp đồng của bên bán vật tư, người vận chuyển.

➤ *Trong khâu bảo quản:* Việc tổ chức kho tàng, bến bãi thực hiện đúng chế độ bảo quản với từng loại vật liệu, tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt đảm bảo an toàn cũng là một trong những yêu cầu quản lý vật liệu.

➤ *Trong khâu dự trữ:* DN phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo cho quá trình thi công xây lắp được bình thường không bị ngừng trệ, gián đoạn do việc cung ứng vật tư không kịp thời hoặc gây ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

➤ *Trong khâu sử dụng:* Cần tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất vật liệu đúng trong sản xuất kinh doanh. Định kỳ tiến hành việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu cũng là những khoản chi phí vật liệu cho quá trình sản xuất sản phẩm nhằm tìm ra nguyên nhân tăng hoặc giảm chi phí vật liệu cho 1 đơn vị sản phẩm, khuyến khích việc phát huy sáng kiến cải tiến sử dụng tiết kiệm vật liệu, tận dụng phế liệu

Tóm lại quản lý vật liệu từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng vật liệu là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp luôn được các nhà quản lý quan tâm.

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp xây lắp

- Tiến hành ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của các loại nguyên vật liệu cả về mặt giá trị và hiện vật.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp phục vụ cho việc thu nhận, hệ thống hóa, tổng hợp và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và sự biến động của vật liệu.

- Tiến hành kiểm tra giám sát bằng đồng tiền kế hoạch thu mua, sử dụng vật tư cho sản xuất kinh doanh. Qua đó phát hiện các hành vi tham ô, lãng phí vật tư và hành vi vi phạm chế độ kế toán tài chính.

1.2. PHÂN LOẠI VÀ ĐÁNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Trong các doanh nghiệp sản xuất vật liệu bao gồm rất nhiều các loại khác nhau đặc biệt là trong ngành xây dựng cơ bản với nội dung kinh tế và tính năng lý hóa học khác nhau. Để có thể quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết từng loại vật liệu phục vụ cho kế hoạch quản trịcần thiết phải phân loại nguyên vật liệu.

➤ Căn cứ vào nội dung kinh tế vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây lắp, căn cứ vào yêu cầu quản lý của DN thì nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng chủ yếu trong doanh nghiệp xây lắp, là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể chính của sản phẩm.

Trong ngành xây dựng cơ bản còn phải phân biệt vật liệu xây dựng, vật kết cấu và thiết bị xây dựng. Các loại vật liệu này đều là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm của đơn vị xây dựng, các hạng mục công trình xây dựng nhưng có sự khác nhau.

+ Vật liệu xây dựng là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến được sử dụng trong đơn vị xây dựng để tạo nên sản phẩm là công trình, hạng mục công trình như gạch, ngói, xi măng, sắt, thép, cát, đá.....

+ Vật kết cấu là những bộ phận của công trình xây dựng mà đơn vị sản xuất hoặc mua của đơn vị khác để lắp vào sản phẩm xây dựng của đơn vị mình như hệ thống thu lôi, quạt thông gió.....

- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm. Vật liệu phụ chỉ tác động phụ trong quá

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

trình sản xuất, chế tạo sản phẩm: làm tăng chất lượng vật liệu chính và sản phẩm, phục vụ cho công tác quản lý, phục vụ thi công, cho nhu cầu công nghệ bao gói sản phẩm. Trong ngành xây dựng cơ bản gồm: sơn côban, dầu, mỡphục vụ cho quá trình sản xuất.

- Nhiên liệu: Về thực thể là một loại nguyên vật liệu phụ, nhưng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình thi công kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm có thể diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể khí, lỏng, rắn như: xăng dầu, than củi, hơi đốt dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc thiết bị hoạt động.

- Phụ tùng thay thế: Là những loại vật tư, sản phẩm dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất.....

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản.

- Phế liệu: Là các loại vật liệu tạo ra trong quá trình thi công xây lắp như gỗ, sắt thép vụn hoặc phế liệu thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản cố định.

- Vật liệu khác

Tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và công tác kế toán chi tiết của từng doanh nghiệp mà trong từng loại vật liệu nêu trên lại được chia thành từng nhóm, từng thứ một cách chi tiết hơn bằng cách lập sổ danh điểm vật tư. Trong mỗi loại, nhóm, thứ vật liệu được sử dụng một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số thập phân để thay thế tên gọi, nhãn hiệu, quy cách của vật liệu. Ký hiệu đó được gọi là sổ danh điểm vật liệu và được sử dụng thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp.

Việc phân loại vật liệu như trên giúp cho kế toán tổ chức các loại TK cấp 1, cấp 2, phản ánh tình hình hiện có và sự biến động của các loại vật liệu trong quá trình thi công xây lắp của doanh nghiệp. Từ đó có biện pháp thích hợp trong việc tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả các loại vật liệu.

1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây lắp

Do đặc điểm của nguyên vật liệu là đa dạng, lại thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất kinh doanh và yêu cầu của công tác kế toán nguyên vật

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

liệu phải phản ánh kịp thời hàng ngày tình hình biến động và hiện có của nguyên vật liệu nên trong công tác kế toán cần đánh giá vật liệu.

1.2.2.1.Đánh giá vật liệu theo giá thực tế

Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Tùy theo nguồn nhập mà giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định như sau:

+ Đối với NVL nhập kho từ nguồn mua ngoài:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Các khoản thuế nhập khẩu, thuế khác (nếu có)	+	Chi phí thu mua thực tế	-	Các khoản giảm trừ (CKTM, giảm giá.....)
----------------------------	---	--------------------------------	---	--	---	-------------------------------	---	--

*/Lưu ý:- Trường hợp hàng mua sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu VAT, tính và nộp VAT theo phương pháp khấu trừ thì trong giá thực tế của hàng mua không bao gồm VAT đầu vào.

- Trường hợp hàng mua sử dụng cho hoạt động SXKD mặt hàng chịu VAT, tính và nộp VAT theo phương pháp trực tiếp hoặc mặt hàng không chịu VAT hoặc dùng cho hoạt động sự nghiệp, hoạt động dự án, hoạt động phúc lợi thì trong giá thực tế của hàng mua bao gồm cả VAT đầu vào.

+ Đối với NVL do DN tự sản xuất, tự gia công, chế biến nhập kho:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá thành sản xuất thực tế
----------------------	---	----------------------------

+ Đối với NVL nhập kho từ nguồn thuê ngoài gia công:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá trị vật tư xuất đi thuê ngoài gia công	+	Chi phí gia công chế biến
----------------------------	---	--	---	------------------------------

(Chi phí liên quan gia công: tiền thuê gia công, chi phí vận chuyển bốc xếp đến nơi gia công và từ nơi gia công về nhập kho).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Đối với NVL nhập kho từ nguồn vốn góp:

$$\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vốn góp} \\ \text{do các bên} \\ \text{thỏa thuận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí liên quan} \\ \text{đến tiếp nhận} \end{array}$$

+ Đối với NVL nhập kho từ nguồn viện trợ, tặng thưởng:

$$\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{thực tế} \\ \text{hàng nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá do hội đồng tiếp nhận} \\ \text{XD trên cơ sở} \\ \text{giá thị trường tương đương} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí liên quan} \\ \text{đến tiếp nhận} \end{array}$$

+ Phế liệu thu hồi nhập kho:

$$\text{Giá thực tế} = \text{Giá ước tính có thể sử dụng được hay bán được}$$

Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho

➤ **Xác định giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng } i \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng thực tế} \\ \text{hàng } i \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \\ \text{hàng } i \end{array}$$

*/Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo các cách sau:

- Giá đơn vị bình quân cả kỳ (bình quân gia quyền cả kỳ)

$$\text{ĐGBQ}_i = \frac{\text{Giá TT tồn đầu kỳ}_i + \text{Giá thực tế}_i \text{ nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng}_i \text{ tồn} + \text{Lượng hàng}_i \text{ nhập}}$$

- Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{ĐGBQLH} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, tính giá vật liệu xuất kho chính xác.

Nhược điểm: Phương pháp này chỉ xác định được giá thực tế xuất kho vào cuối tháng nên khối lượng công việc nhiều ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO-First In, First Out)

Theo phương pháp này hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết hàng nhập trước rồi đến hàng nhập sau.

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp giảm phát.

Ưu điểm: Với phương pháp này việc tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối chính xác, hợp lý.

Nhược điểm: Khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc vào xu thế giá cả trên thị trường.

➤ Phương pháp Nhập sau - Xuất trước (LIFO-Last In, First Out)

Theo phương pháp này hàng nhập sau cùng được xuất trước, xuất hết hàng nhập sau mới đến hàng nhập trước.

Phương pháp này áp dụng cho trường hợp lạm phát.

Ưu điểm: Việc tính giá vật liệu đơn giản hơn phương pháp nhập trước xuất trước.

Nhược điểm: Khối lượng ghi chép và hạch toán vẫn còn phức tạp.

➤ Phương pháp giá thực tế đích danh

Giá của từng loại hàng được giữ từ lúc nhập cho tới lúc xuất. Khi xuất loại hàng nào thì tính giá đích danh loại hàng ấy.

Phương pháp này thường áp dụng cho DN ít mặt hàng.

1.2.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn, khối lượng, chủng loại vật liệu công cụ dụng cụ nhiều, tình hình xuất diễn ra thường xuyên. Việc xác định giá thực tế của nguyên vật liệu hàng ngày rất khó khăn và ngay cả trong trường hợp có thể xác định được hàng ngày đối với từng lần nhập, đợt nhập nhưng quá tốn kém nhiều chi phí không hiệu quả cho công tác kế toán, có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập xuất hàng ngày. Giá hạch toán là loại giá ổn định được sử dụng thống nhất trong doanh nghiệp, trong thời gian dài có thể là giá kế hoạch của nguyên vật liệu. Như vậy hàng ngày sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá nguyên vật liệu xuất. Cuối kỳ phải điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế để có số liệu ghi vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp và báo cáo kế toán. Việc điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế được tiến hành như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trước hết xây dựng hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán của vật liệu (H)

$$H = \frac{\begin{array}{c} \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Giá hạch toán của NVL} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Giá hạch toán của NVL} \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}$$

Giá thực tế của NVL xuất dùng trong kỳ	=	Giá hạch toán của NVL xuất dùng trong kỳ	x	Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL
--	---	--	---	--

Tùy thuộc vào đặc điểm, yêu cầu về trình độ quản lý của DN mà trong các phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho đơn giá thực tế hoặc hệ số giá (trong trường hợp sử dụng giá hạch toán) có thể tính riêng cho từng thứ, nhóm hoặc cả loại vật liệu.

Từng cách đánh giá và phương pháp tính giá thực tế xuất kho đối với vật liệu có nội dung, ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng phù hợp nhất định, do vậy DN phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh, khả năng trình độ của cán bộ kế toán.

1.3. KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu là một trong những đối tượng kế toán cần phải tổ chức hạch toán chi tiết không chỉ về mặt giá trị mà cả hiện vật, không chỉ từng kho mà phải chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ....và phải được tiến hành đồng thời ở cả kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho. Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết để lựa chọn, vận dụng phương pháp kế toán chi tiết vật liệu cho phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý tài sản nói chung, công tác quản lý nguyên vật liệu nói riêng.

1.3.1. Chứng từ sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- 1- Phiếu nhập kho (mẫu số 01-VT)
- 2- Phiếu xuất kho (mẫu số 02-VT)
- 3- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (mẫu số 03-VT)
- 4- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (mẫu số 04-VT)
- 5- Biên bản kiểm kê vật liệu, công cụ, dụng cụ sản phẩm hàng hóa (mẫu số 05-VT)
- 6- Bảng kê mua hàng (mẫu số 06-VT)
- 7- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (mẫu số 07-VT)
- 8- Hóa đơn GTGT (mẫu 01- GTGT3/001)
- 9- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02-GTGT3/001)
- 10- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03XKNB3/001)

Tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện khoa học. Mọi chứng từ về kế toán vật liệu phải được lập đầy đủ kịp thời theo quyết định ban hành về mẫu biểu, nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự và thời gian hợp lý, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sau đây là một vài mẫu chứng từ, sổ sách kế toán nguyên vật liệu:

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (mẫu S12-DN)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:.....
Địa chỉ :.....

Mẫu số S10-DN
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm:.....

Tài khoản..... Tên kho.....

Đơn vị tính:...

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu kỳ								
		Cộng tháng								

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang
- Ngày mở sổ

Ngày..... tháng..... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:.....

Địa chỉ :.....

Mẫu số S11-DN

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản :.....

Thángnăm.....

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
	Cộng				

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:.....
Địa chỉ :.....

Mẫu số S12-DN
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ.....

Tờ số

- Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư:.....
- Đơn vị tính:
- Mã số:.....

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Cộng cuối kỳ	x				x

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang
- Ngày mở sổ

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc
(ký, họ tên)

1.3.2. Các phương pháp kế toán chi tiết vật liệu

Trong doanh nghiệp xây lắp, việc quản lý nguyên vật liệu do nhiều bộ phận tham gia. Song quản lý việc nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu hàng ngày được thực hiện chủ yếu ở bộ phận kho và phòng kế toán doanh nghiệp. Trên cơ sở các chứng từ kế toán về nhập, xuất vật liệu thủ kho và kế toán vật liệu phải tiến hành hạch toán kịp thời tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu hàng ngày theo từng loại vật liệu. Sự liên hệ và phối hợp với nhau trong việc ghi chép cũng như việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán đã hình thành nên phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu.

Hiện nay trong các doanh nghiệp xây lắp, việc hạch toán giữa kho và phòng kế toán có thể thực hiện theo các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mọi phương pháp đều có những ưu, nhược điểm riêng. Trong việc hạch toán chi tiết giữa kho và phòng kế toán cần có sự nghiên cứu lựa chọn phương pháp thích hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Và như vậy cần thiết phải nắm vững nội dung, ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng của mỗi phương pháp đó.

1.3.2.1. Phương pháp thẻ song song

- **Tai kho:** Phản ánh tình hình hiện có, sự biến động tăng, giảm vật liệu, dụng cụ về mặt lượng.

+ Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất vật tư (PNK, P XK), thủ kho thực hiện việc nhập- xuất kho và ghi số lượng vật tư thực Nhập, thực Xuất vào PN, PX và thẻ kho.

+ Mỗi chứng từ được ghi vào một dòng trên thẻ kho, thẻ kho được mở theo từng danh điểm vật tư (từng thứ loại vật tư).

+ Hàng ngày hoặc định kỳ, thủ kho phải tập hợp chứng từ nhập- xuất vật tư và giao cho kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số lượng vật tư nhập-xuất trong tháng, từ đó tính ra vật tư tồn cuối tháng theo từng danh điểm vật tư.

- **Tai phòng kế toán:** Phản ánh tình hình hiện có, sự biến động tăng, giảm vật liệu, dụng cụ cả về mặt lượng và giá trị.

+ Kế toán vật tư mở thẻ (sổ) kế toán chi tiết vật tư theo từng danh điểm vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho.

+ Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập- xuất vật tư do thủ kho chuyên tới, kế toán vật tư phải kiểm tra, ghi đơn giá và tính ra thành tiền cho từng chứng từ nhập- xuất vật tư. Sau đó, lần lượt ghi chép các nghiệp vụ nhập-xuất vật tư vào thẻ (sổ) kế toán chi tiết theo từng danh điểm vật tư.

+ Cuối tháng kế toán vật tư phải tiến hành cộng thẻ (sổ) kế toán chi tiết, để đối chiếu với thẻ kho của thủ kho về mặt số lượng đồng thời lập bảng tổng hợp chi tiết nhập-xuất-tồn kho vật tư để đối chiếu với kế toán tổng hợp VL, DC về mặt giá trị.

✓ *Ưu điểm:* Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.

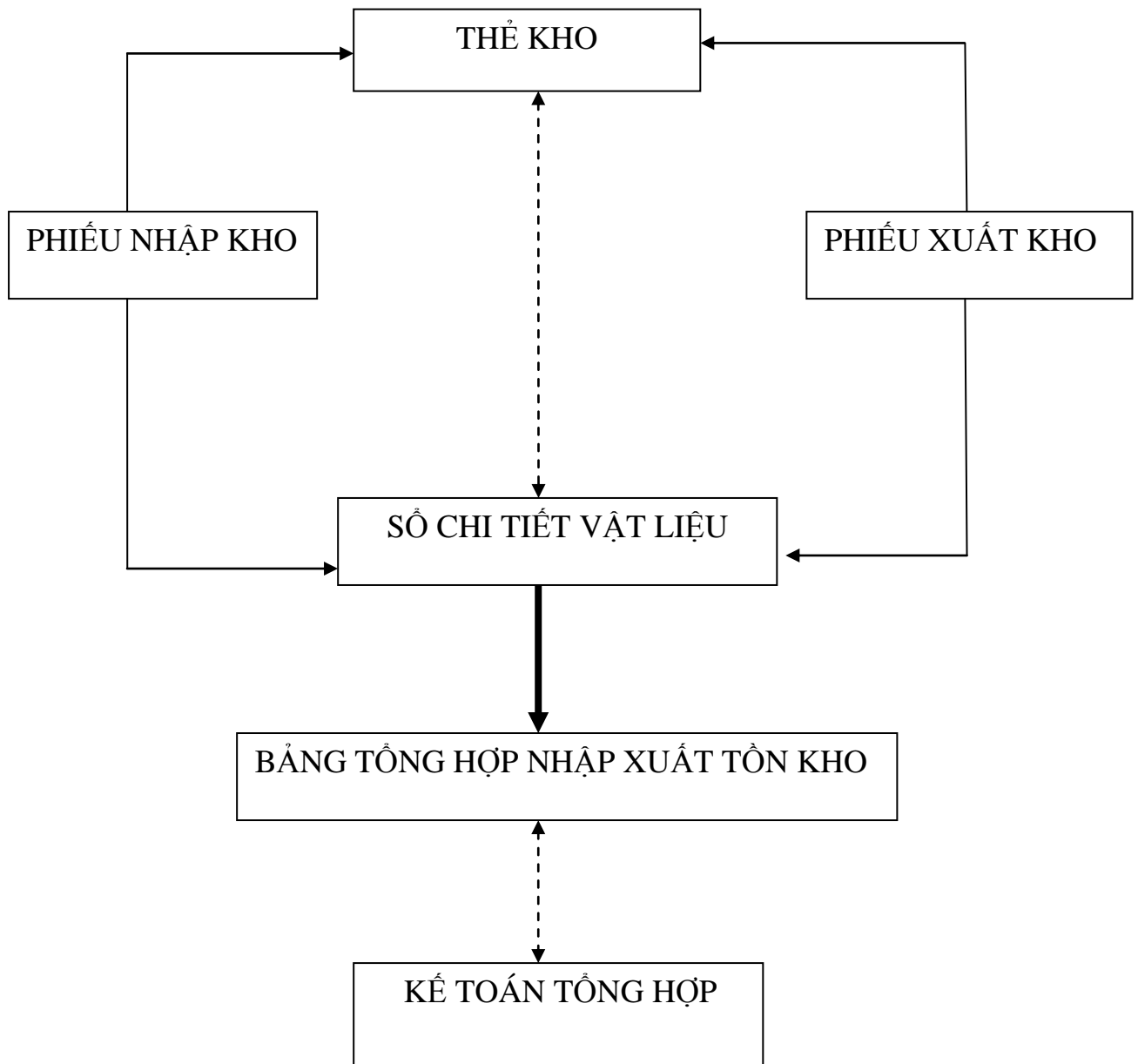
✓ *Nhược điểm:* Trùng lặp giữa kế toán và thủ kho về mặt lượng.

✓ *Điều kiện áp dụng:* Thích hợp với DN có ít chủng loại vật liệu, việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Tuy nhiên trong trường hợp DN đã áp dụng kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng vào DN có nhiều chủng loại nguyên vật liệu.

☞ Phương pháp này ngày càng có khuynh hướng được áp dụng rộng rãi bởi tính thuận tiện của nó cũng như việc áp dụng kế toán máy ngày càng phổ biến trong các DN.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu, dụng cụ theo PP thẻ song song



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

1.3.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- **Tai kho:** Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho theo chỉ tiêu số lượng của từng loại vật liệu giống như phương pháp thẻ song song.

- **Tại phòng kế toán:**

+ Kế toán vật tư mở sổ “đối chiếu luân chuyển” để phản ánh tình hình nhập xuất tồn kho vật tư cả về mặt số lượng và giá trị (Sổ dùng cả năm, thường sử dụng đơn giá hạch toán). Sổ này được ghi mỗi tháng 1 lần vào ngày cuối tháng trên cơ sở các bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư (các bảng kê này được kế toán mở theo từng danh điểm vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho).

+ Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.

+ Cuối tháng, tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho về mặt số lượng.

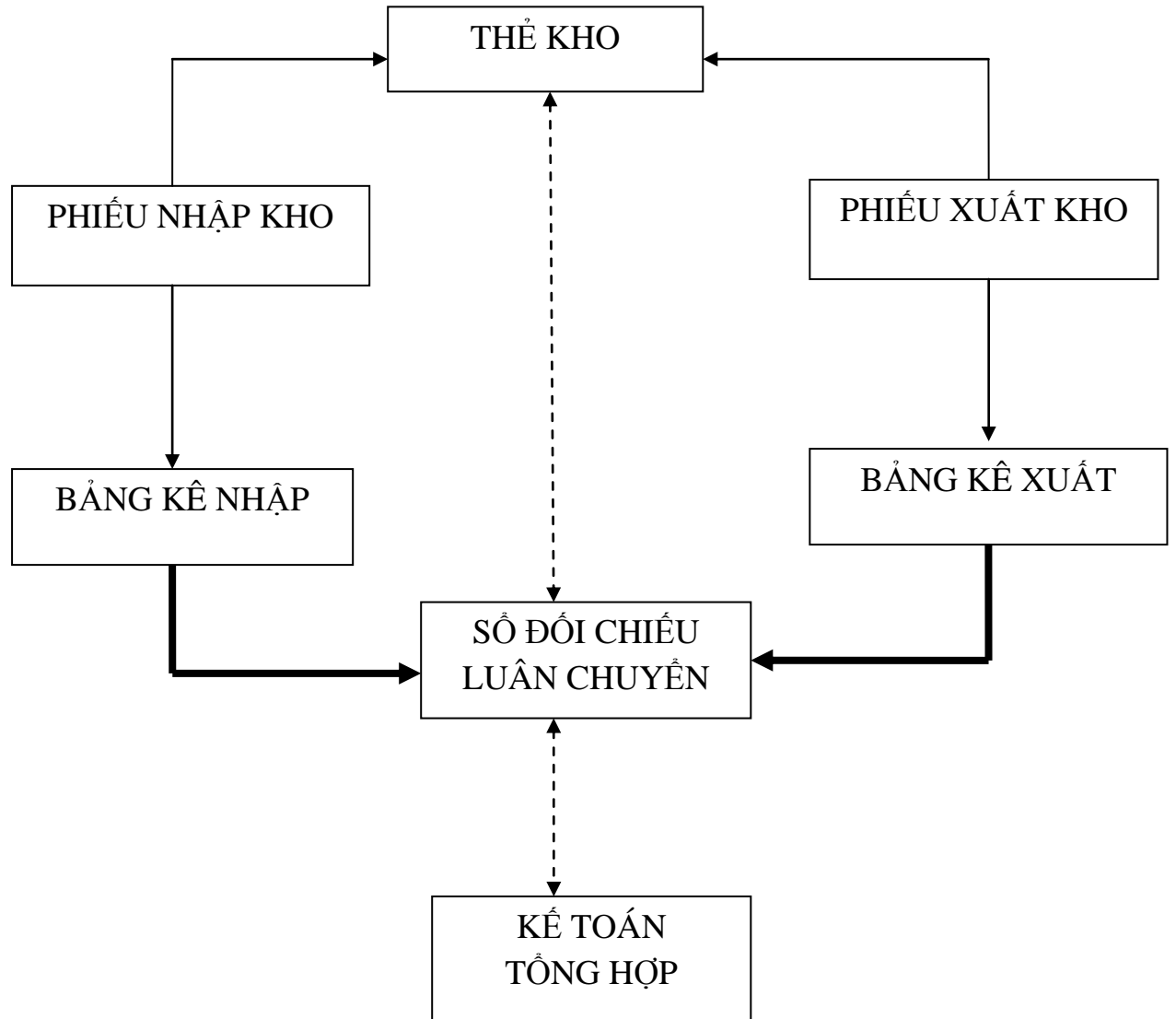
✓ *Ưu điểm:* Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

✓ *Nhược điểm:* Phương pháp này vẫn trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế việc kiểm tra của kế toán.

✓ *Điều kiện áp dụng:* Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết VL, DC
Theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←---→ Quan hệ đối chiếu
- ==→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

1.3.2.3. Phương pháp sổ số dư

- **Tại kho:** Ngoài các công việc như phương pháp thẻ song song, thủ kho còn phải làm những công việc sau:

+ Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải nộp phiếu giao nhận chứng từ theo từng danh điểm vật tư hoặc từng nhóm vật tư và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập- xuất vật tư.

+ Cuối tháng, căn cứ vào thẻ kho, thủ kho ghi số lượng vật tư tồn kho theo từng danh điểm vật tư vào sổ số dư. Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào một dòng trên sổ số dư.

Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm (sổ này chỉ theo dõi về mặt lượng và tiền tồn mà không theo dõi lượng và tiền nhập- xuất của vật tư) trước ngày cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi sổ. Ghi xong phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính ra thành tiền.

- **Tại phòng kế toán:**

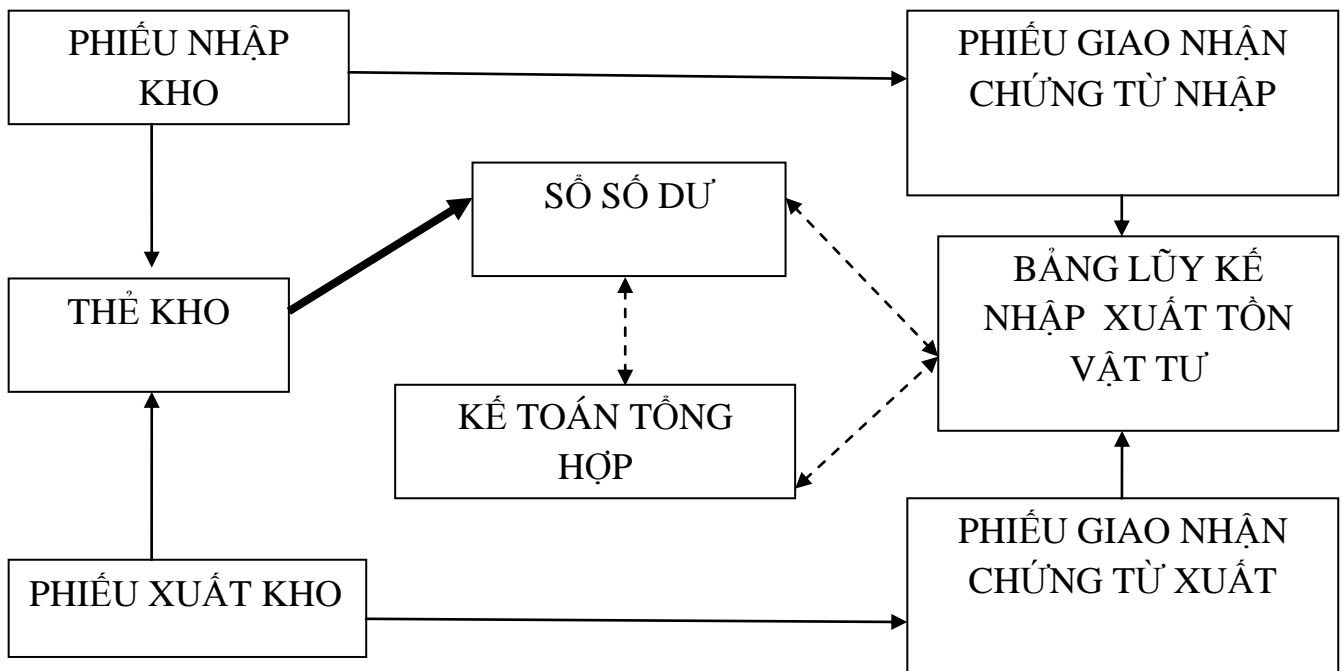
+ Định kỳ nhân viên kế toán phải xuống kho để kiểm tra việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho và ký xác nhận số lượng tồn tại từng thời điểm trên thẻ kho.

+ Định kỳ sau khi nhận được các chứng từ nhập- xuất vật tư do thủ kho chuyển đến (đã được phân loại theo từng danh điểm vật tư), kế toán tiến hành ghi đơn giá (thường là đơn giá hạch toán) tính ra thành tiền trên từng chứng từ và ghi vào phiếu giao nhận chứng từ tương ứng.

+ Cuối tháng, cộng tổng số tiền trên các phiếu giao nhận chứng từ để ghi vào 1 dòng trên bảng lũy kế nhập-xuất-tồn vật tư. Sau đó cộng tổng số tiền nhập-xuất trên bảng lũy kế để tính ra số dư cuối tháng của từng danh điểm vật tư. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư trên sổ số dư.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán chi tiết VL,DC theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←----→ Quan hệ đối chiếu
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

✓ Ưu điểm:

+ Phương pháp này sẽ làm giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và theo nhóm vật liệu.

+ Đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.

+ Khối lượng công việc được giảm đều trong tháng.

✓ Nhược điểm:

+ Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng loại vật liệu nên để lấy thông tin về tình hình hình nhập- xuất- tồn của từng loại vật liệu thì phải căn cứ vào thẻ kho.

+ Việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa phòng kế toán và kho là phức tạp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ *Điều kiện áp dụng:*

+ Đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật liệu, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên.

+ Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và hệ thống danh điểm vật liệu hợp lý. Các cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng.

1.4. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU

Vật liệu là tài sản lao động, thuộc nhóm hàng tồn kho của DN, cho nên việc mở các tài khoản tổng hợp để ghi chép sổ kế toán và xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ.

✚ *Phương pháp kê khai thường xuyên:* Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho trên các TK phản ánh hàng tồn kho. Tại bất cứ thời điểm nào kế toán cũng tính được tồn kho theo công thức:

$$\boxed{\text{Tồn cuối} = \text{Tồn đầu} + \text{Nhập} - \text{Xuất}}$$

❖ *Ưu điểm:* Tại bất kỳ thời điểm nào cũng xác định lượng nhập xuất tồn của từng loại HTK.

❖ *Nhược điểm:* DN có tình hình nhập- xuất thường xuyên tốn rất nhiều công sức hạch toán.

✚ *Phương pháp kiểm kê định kỳ:* Là phương pháp không theo dõi và không phản ánh một cách thường xuyên liên tục tình hình hiện có, biến động tăng, giảm hàng tồn kho trên các TK phản ánh HTK mà chỉ phản ánh vào các TK này theo định kỳ căn cứ vào kết quả kiểm kê. Từ đó xác định khối lượng xuất kho theo công thức:

$$\boxed{\text{Xuất} = \text{Tồn đầu} + \text{Nhập} - \text{Tồn cuối}}$$

❖ *Ưu điểm:* Giảm nhẹ khối lượng ghi chép cho kế toán.

❖ *Nhược điểm:*

- Khó phân biệt được mục đích sử dụng hàng tồn kho trong kỳ.

- Độ chính xác không cao do chịu ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho, quây, bên bãi.

- Không cập nhật được tình hình hiện có, biến động tăng, giảm của các loại hàng tồn kho.

1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.4.1.1. TK sử dụng

Sự biến động của vật liệu trong DN sản xuất sau khi phản ánh trên chứng từ kế toán sẽ được phản ánh trực tiếp trên các TK cấp 1, cấp 2 về vật liệu. Đây là phương pháp kế toán phân loại vật liệu để giám đốc một cách thường xuyên liên tục và có hệ thống tình hình hiện có và sự biến động của vật liệu, để tiến hành hạch toán kế toán sử dụng TK152: “Nguyên liệu vật liệu”. TK này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

▪ TK 152 được mở cho nhiều TK cấp 2 để kế toán chi tiết theo từng loại nguyên liệu vật liệu phù hợp với cách phân loại theo nội dung kinh tế và yêu cầu kế toán giá trị của doanh nghiệp, bao gồm:

TK1521: Nguyên vật liệu chính

TK1522: Vật liệu phụ

TK1523: Nhiên liệu

TK1524: Phụ tùng thay thế

TK1525: Thiết bị xây dựng cơ bản

TK1528: Vật liệu khác

➤ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 152:

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.

- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện qua kiểm kê.

- Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (Trường hợp DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng cho sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đi tham gia góp vốn.
- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt mất mát phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (Trường hợp DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số Dư Bên Nợ:

Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

▪ TK 151 “Hàng mua đang đi đường” TK này dùng để phản ánh trị giá các loại nguyên vật liệu mua ngoài mà doanh nghiệp đã chấp nhận thanh toán và thuộc quyền sở hữu của DN nhưng chưa về nhập kho của DN, còn đang đi trên đường vận chuyển ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến DN nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho hoặc đang đi đường tháng trước tháng này nhập kho.

► Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 151

Bên Nợ:

- Trị giá vật tư hàng hóa đã mua đang đi đường.
- Kết chuyển trị giá vật tư hàng hóa mua đang đi đường cuối kỳ

(Trường hợp DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường nay đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.
- Kết chuyển thực tế trị giá của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (Trường hợp DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Số dư bên Nợ:

Trị giá của hàng hóa vật tư đã mua trong kỳ nhưng còn đang đi đường (Chưa về nhập kho đơn vị).

- TK 331: “Phải trả người bán ” TK này dùng để phản ánh tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả của DN cho người bán vật tư hàng hóa, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng đã ký kết.

- TK 621: “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ” TK này dùng để phản ánh chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ của các ngành công nghiệp, xây lắp, nông lâm ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, kinh doanh khách sạn du lịch, dịch vụ khác.

- TK 627: “Chi phí sản xuất chung” TK này dùng để phản ánh chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, đội, công trườngphục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ.

- TK 641: “Chi phí bán hàng”

- TK 642: “Chi phí quản lý doanh nghiệp ”

- TK 142: “Chi phí trả trước ngắn hạn”

- TK 241: “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”

Ngoài ra kế toán còn sử dụng những tài khoản khác như: TK141, TK111, TK112, TK138

1.4.1.2. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu với NVL

a/ Đối với DN tính VAT theo phương pháp khấu trừ:

1. Khi mua nguyên liệu, vật liệu, về nhập kho đơn vị, căn cứ hóa đơn, phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho:

- Đối với nguyên liệu, vật liệu mua vào dùng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 141, 331,... (Tổng giá thanh toán).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2. Trường hợp mua nguyên, vật liệu được hưởng chiết khấu thương mại thì phải ghi giảm giá gốc nguyên liệu, vật liệu đã mua đối với khoản chiết khấu thương mại thực tế được hưởng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331,....

Có TK 152- Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

3. Trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về nhập kho nhưng đơn vị phát hiện không đúng quy cách, phẩm chất theo hợp đồng ký kết phải trả lại người bán hoặc được giảm giá, kế toán phản ánh giá trị hàng mua xuất kho trả lại hoặc được giảm giá, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331,....

Có TK 152- Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Có TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

4. Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hóa đơn mua hàng nhưng nguyên liệu, vật liệu chưa về nhập kho đơn vị thì kế toán lưu hóa đơn vào một tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

4.1. Nếu trong tháng hàng về thì căn cứ vào hóa đơn, phiếu nhập kho để ghi vào Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

4.2. Nếu đến cuối tháng nguyên liệu, vật liệu vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn (Trường hợp nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ), kế toán ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán; hoặc

Có các TK 111, 112, 141,...

Sang tháng sau, khi nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ vào hóa đơn và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

5. Khi trả tiền cho người bán, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, thì khoản chiết khấu thanh toán thực tế được hưởng được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Chiết khấu thanh toán).

6. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu:

- Nếu nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu về dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh vào giá gốc nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu theo giá có thuế nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá có thuế nhập khẩu)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (Chi tiết thuế nhập khẩu).

Đồng thời phản ánh thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu).

- Nếu nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được phản ánh vào giá gốc nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152- Nguyên liệu, vật liệu (giá có thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu)

Có TK 331- Phải trả cho người bán

Có TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt.

7. Các chi phí về thu mua, bốc xếp, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về kho doanh nghiệp, trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 141, 331,...

8. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công, chế biến:

- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi phát sinh chi phí thuê ngoài gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, 141,...

- Khi nhập lại kho số nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến xong, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

9. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế:

- Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu để tự chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu đã tự chế, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

10. Đối với nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê đã xác định được nguyên nhân thì căn cứ nguyên nhân thừa để ghi sổ, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì căn cứ vào giá trị nguyên liệu, vật liệu thừa, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381 - Tài sản thừa chờ giải quyết).

- Khi có quyết định xử lý nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện trong kiểm kê, căn cứ vào quyết định xử lý, ghi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381)

Có các tài khoản có liên quan.

- Nếu xác định ngay khi kiểm kê số nguyên liệu, vật liệu thừa là của các đơn vị khác khi nhập kho chưa ghi tăng TK 152 thì không ghi vào bên Có Tài khoản 338(3381) mà ghi vào bên Nợ Tài khoản 002 “Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công”. Khi trả lại nguyên liệu, vật liệu cho đơn vị khác ghi vào bên Có Tài khoản 002 (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

11. Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, ghi:

Nợ TK 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Nợ các TK 623, 627, 641, 642,...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

12. Xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

13. Đối với nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

a- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn liên doanh, ghi:

Nợ TK 222- Vốn góp liên doanh (Theo giá đánh giá lại)

Nợ TK 811- Chi phí khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152- Nguyên liệu, vật liệu (Theo giá trị ghi sổ)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của nguyên liệu, vật liệu tương ứng với phần lợi ích của các bên khác trong liên doanh).

Có TK 3387- Doanh thu chưa thực hiện (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của nguyên liệu, vật liệu tương ứng với phần lợi ích của mình trong liên doanh).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

b- Khi cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đã bán thành phẩm sản xuất bằng nguyên liệu, vật liệu nhận góp vốn, hoặc bán số nguyên liệu, vật liệu đó cho bên thứ ba độc lập, bên góp vốn liên doanh kết chuyển phần doanh thu chưa thực hiện vào thu nhập khác trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3387- Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 711- Thu nhập khác.

14. Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào công ty liên kết, ghi:

Nợ TK 223- Đầu tư vào công ty liên kết (Theo giá đánh giá lại)

Nợ TK 811- Chi phí khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152- Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 711- Thu nhập khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ).

15. Đối với nguyên liệu, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê:

Mọi trường hợp thiếu hụt nguyên liệu, vật liệu trong kho hoặc tại nơi quản lý, bảo quản phát hiện khi kiểm kê phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân, xác định người phạm lỗi. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để ghi sổ kế toán:

- Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán;

- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (Hao hụt vật liệu trong định mức), ghi:

Nợ TK 632- Giá vốn hàng bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

-Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (Phải thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu trừ vào tiền lương của người phạm lỗi).

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Phần giá trị hao hụt, mất mát nguyên liệu, vật liệu còn lại phải tính vào giá vốn hàng bán)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý).

b/Đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Nói chung là hàng mua về dùng để sản xuất kinh doanh mặt hàng:

+ Thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Không thuộc diện chịu thuế GTGT.

+ Dùng cho hoạt động sự nghiệp, hoạt động dự án, hoạt động phúc lợi.

→ Không sử dụng tài khoản 133, vì trong giá hàng mua đã bao gồm cả VAT đầu vào.

1.4.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.4.2.1. Tài khoản sử dụng

TK 611(mua nguyên vật liệu), dùng để theo dõi số vật liệu chưa dùng đầu kỳ, chưa dùng cuối kỳ và tăng thêm trong kỳ theo giá thực tế từ đó xác định giá trị vật liệu xuất dùng trong kỳ:

$$\boxed{\text{Xuất} = \text{Tồn đầu} + \text{Nhập} - \text{Tồn cuối}}$$

► Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 611

Bên Nợ:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê)

+ Giá gốc hàng hóa nguyên vật liệu mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại

Bên Có:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Giá gốc hàng hóa nguyên vật liệu xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ).

+ Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

TK này không có số dư và được chi tiết thành 2 TK cấp 2

+ TK 6111: “Mua nguyên liệu, vật liệu”

+ TK 6112: “Mua hàng hóa”

TK 152: “Nguyên liệu, vật liệu”: Dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết cho từng loại.

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Số dư Bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ

TK151: “Hàng mua đang đi đường”

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa vật tư đang đi đường cuối kỳ

Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng 1 số TK liên quan khác như: TK133, TK331, TK112, TK111.....

1.4.2.2. Phương pháp hạch toán

➤. Đầu kỳ:

*NV 01. Kết chuyển trị giá hàng tồn kho và hàng đang đi đường theo từng loại

Nợ 611(6111): Hàng tồn kho đầu kỳ

Có 152: VL tồn kho

➤. Trong kỳ:

*NV 02. VL tăng do mua ngoài

- Nguồn trong nước:

Nợ 611(6111)

Nợ 133

Có 111,112,331....

- Nguồn nhập khẩu:

+ Bút toán 1. Phản ánh giá nhập khẩu

Nợ 6111

Nợ (Có) 635(515)

Có 111,112

Có 331

+ Bút toán 2. Phản ánh thuế nhập khẩu phải nộp

Nợ 6111

Có 3333

+ Bút toán 3. Phản ánh thuế TTĐB của hàng nhập khẩu phải nộp

Nợ 6111

Có 3332

+ Bút toán 4. Phản ánh thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp

Nợ 133

Có 3331

*NV 03.Số giảm giá hàng mua, hàng mua trả lại trong kỳ

Nợ 111,112,331

Có 133

Có 6111

*NV 04. Chiết khấu thanh toán mua hàng được hưởng do thanh toán đúng hoặc trước thời hạn

Nợ 111,112,1388, 331

Có 515

♣.Cuối kỳ:

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hàng tồn kho, và biên bản xử lý số mất mát, thiếu hụt kế toán ghi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*NV05. K/C hàng tồn kho và đi đường cuối kỳ

Nợ 152: vật liệu tồn kho cuối kỳ

Nợ 151: VL đi đường cuối kỳ

Có 6111: Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ

*NV06.Số hàng tồn kho thiếu hụt phát hiện qua kiểm kê

Nợ 138(1381): thiếu hụt chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý

Nợ 138(1388): thiếu cá nhân phải bồi thường

Nợ 334

Nợ 642

Có 6111 trị giá hàng tồn kho bị thiếu hụt

*NV07. Xác định số vật liệu xuất dùng trong tháng

Theo phương pháp KKĐK khi xuất dùng vật liệu cho các mục đích, kế toán không phản ánh theo từng chứng từ, mà cuối kỳ mới xác định giá trị VL xuất dùng trên cơ sở kết quả kiểm kê để ghi sổ 1 lần.

Đối với VL căn cứ vào định mức tiêu hao hay mục đích xuất dùng, kế toán ghi

Nợ 621

Nợ 623,627,642,641: xuất phục vụ

Nợ 128,221,223,228: xuất góp vốn ngắn, dài hạn

Nợ 1388: xuất cho vay không tính lãi

Nợ 154: xuất thuê ngoài gia công

Nợ 241: xuất phục vụ XD CB

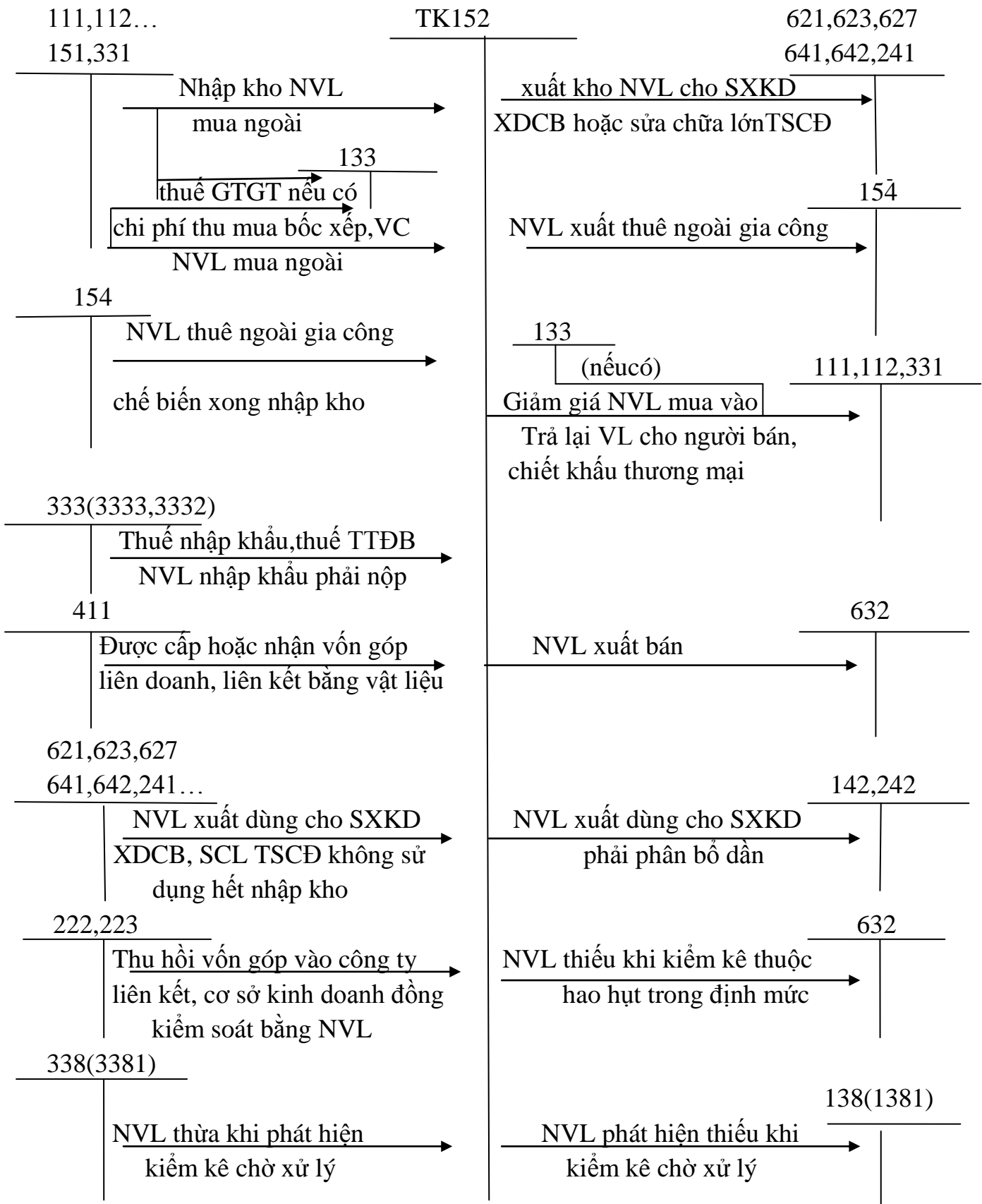
Nợ 632: xuất bán

Có 6111

➤ Có thể tóm gọn 2 phương pháp hạch toán tổng quát nguyên vật liệu bằng các sơ đồ sau:

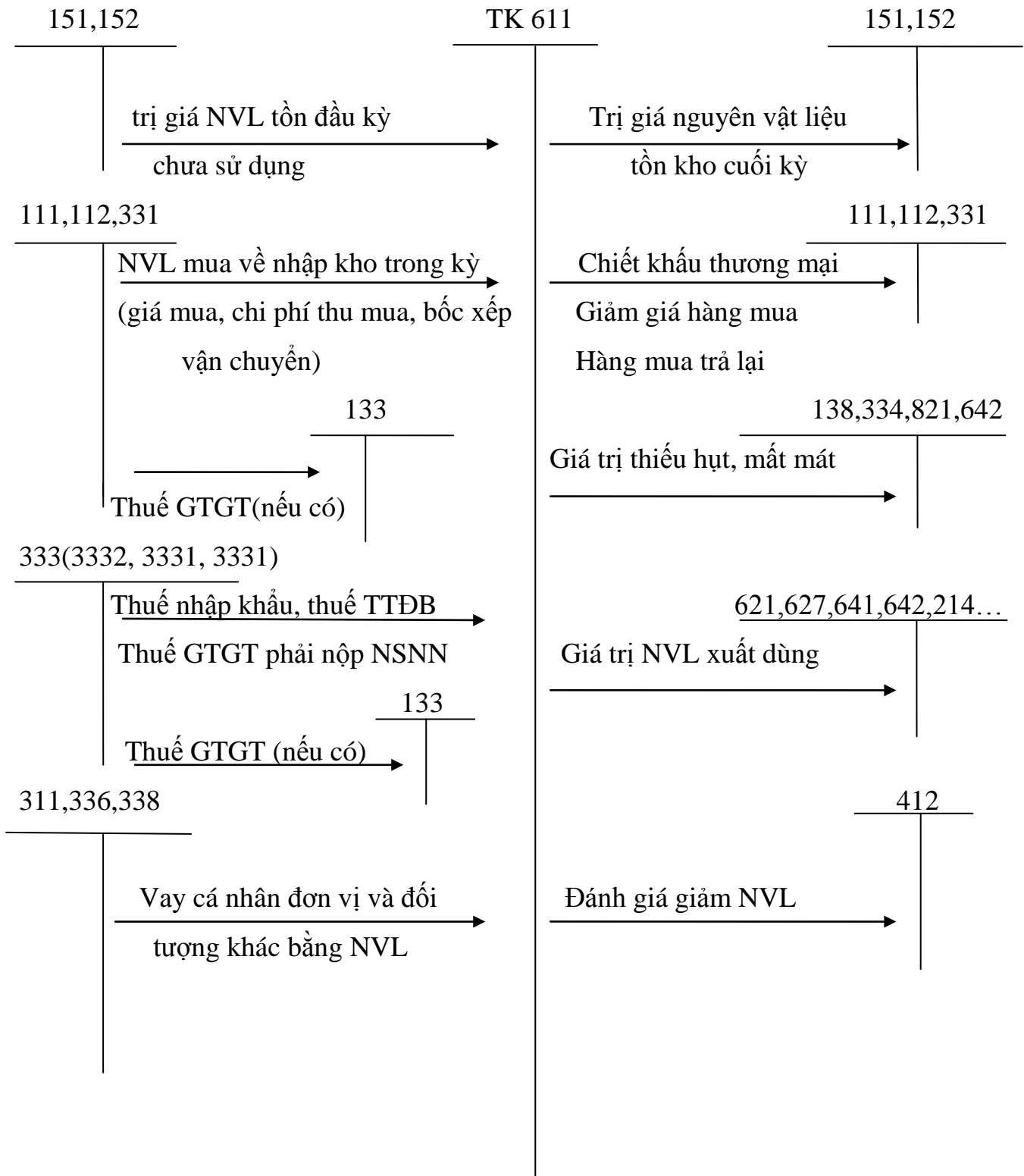
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.5. TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN SỬ DỤNG CHO KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI DOANH NGHIỆP XÂY LẬP

Quá trình hạch toán bao giờ cũng bắt đầu bằng chứng từ gốc và kết thúc bằng các báo cáo kế toán thông qua việc ghi chép, theo dõi, tính toán xử lý số liệu trên các sổ sách kế toán. Sổ sách kế toán là khâu trung gian trong công tác kế toán. Sổ của phần kế toán tổng hợp được gọi là sổ kế toán tổng hợp. Các DN sử dụng sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tùy thuộc vào hình thức kế toán áp dụng tại DN. Theo chế độ kế toán hiện hành của Bộ tài chính ban hành ở nước ta hiện tại tồn tại 5 hình thức sổ kế toán:

Năm hình thức sổ kế toán tổng hợp là:

- ☞ Hình thức Nhật ký -Sổ cái
- ☞ Hình thức Nhật ký chung
- ☞ Hình thức Nhật ký -Chứng từ
- ☞ Hình thức Chứng từ ghi sổ
- ☞ Hình thức Kế toán trên máy vi tính
- ☞ Nguyên tắc và những đặc trưng cơ bản của hình thức sổ kế toán tổng hợp

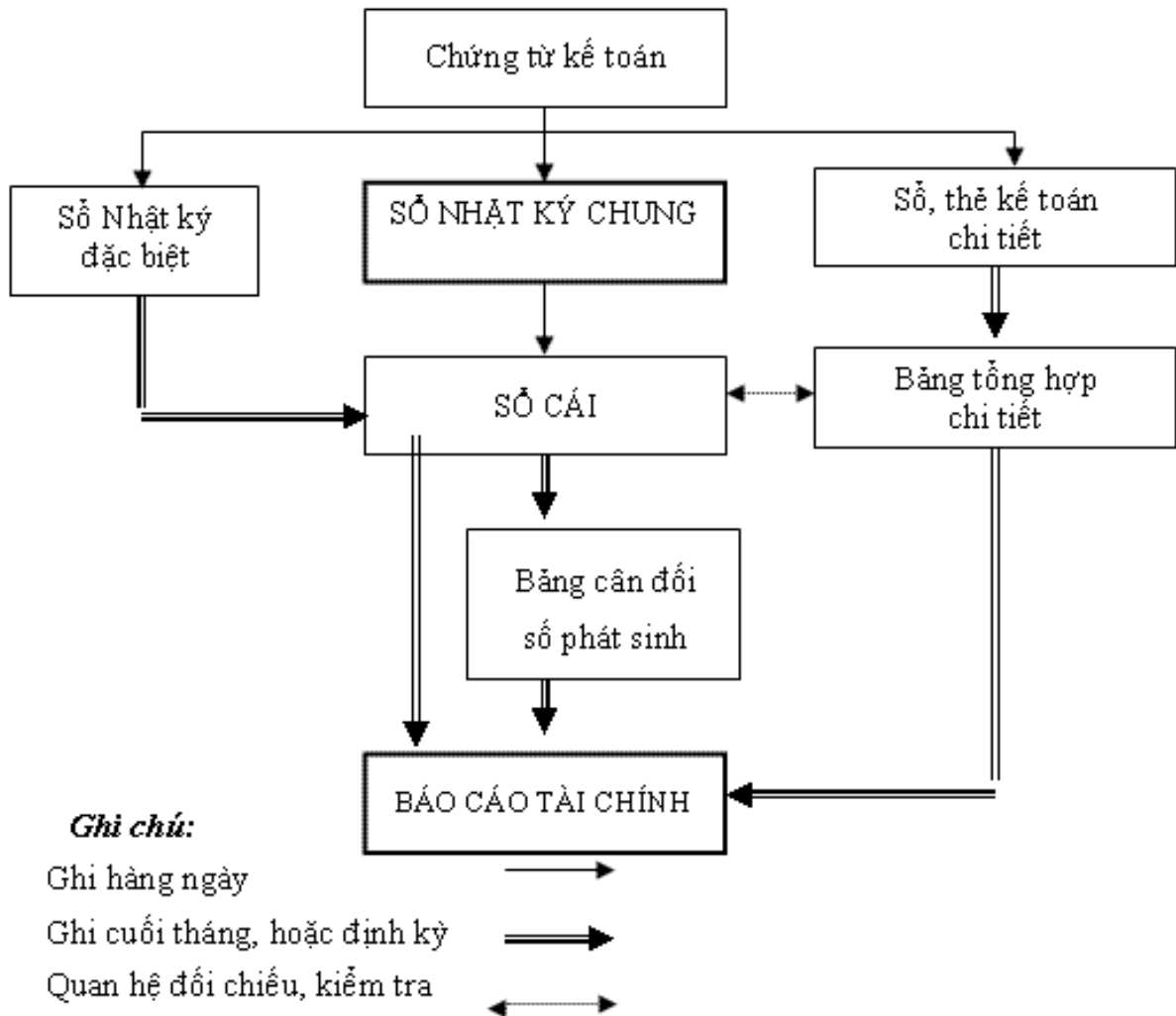
☞ **Đối với hình thức Nhật ký chung:** Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi chép vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ thẻ kế toán chi tiết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 01
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

☞ **Đối với hình thức Nhật ký - sổ cái:** Đặc trưng cơ bản là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian với trình tự ghi sổ phân loại theo hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh vào một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - Sổ cái.

Tách biệt việc ghi chép kế toán tổng hợp với việc ghi chép kế toán chi tiết vào hai loại sổ kế toán khác nhau là sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

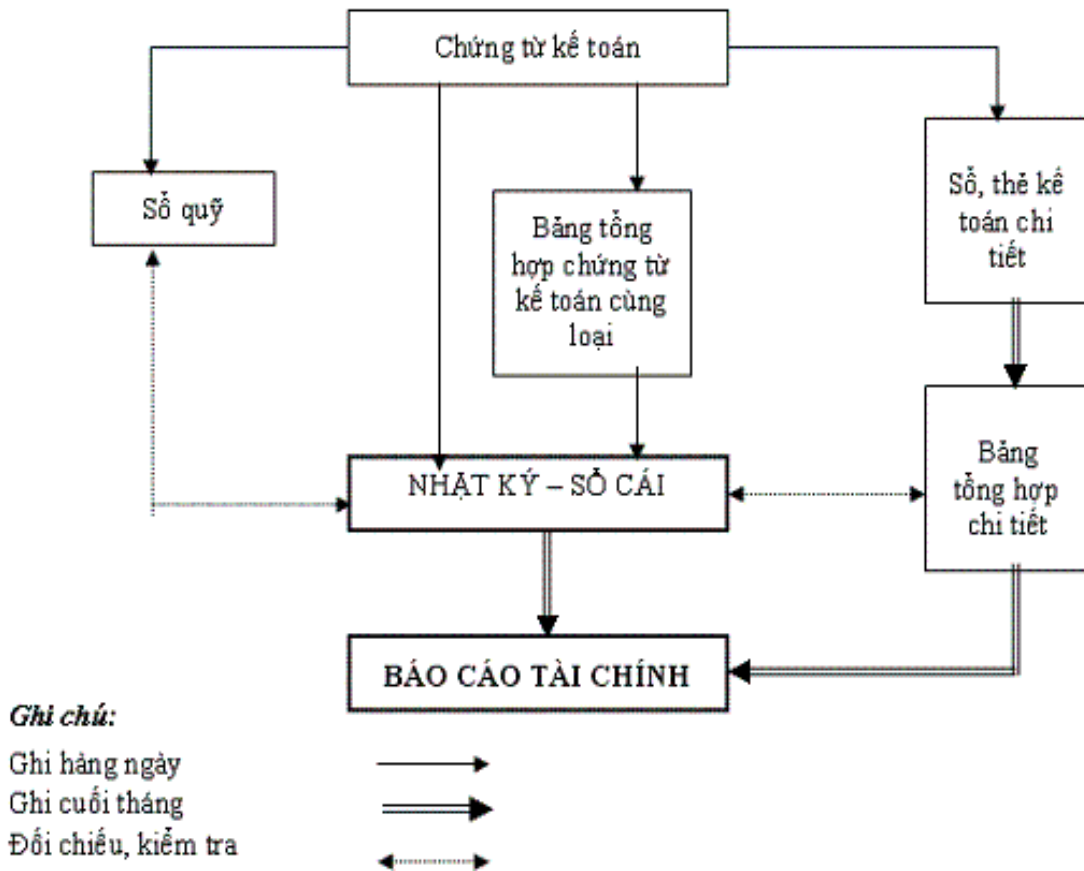
Không cần lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ vì kế toán có thể kiểm tra tính chính xác của việc ghi sổ cái ở dòng cộng cuối kỳ của Nhật ký - Sổ cái.

Các loại sổ sử dụng theo hình thức Nhật ký - Sổ cái:

- + Sổ Nhật ký - Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 02
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI



(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tổng số tiền của cột “Phát sinh” ở phần Nhật ký	=	Tổng số phát sinh Nợ của tất cả các Tài khoản	=	Tổng số phát sinh Có của tất cả các Tài khoản
---	---	---	---	---

Tổng số dư Nợ các Tài khoản = Tổng số dư Có các tài khoản

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

☞ **Đối với hình thức Chứng từ ghi sổ:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

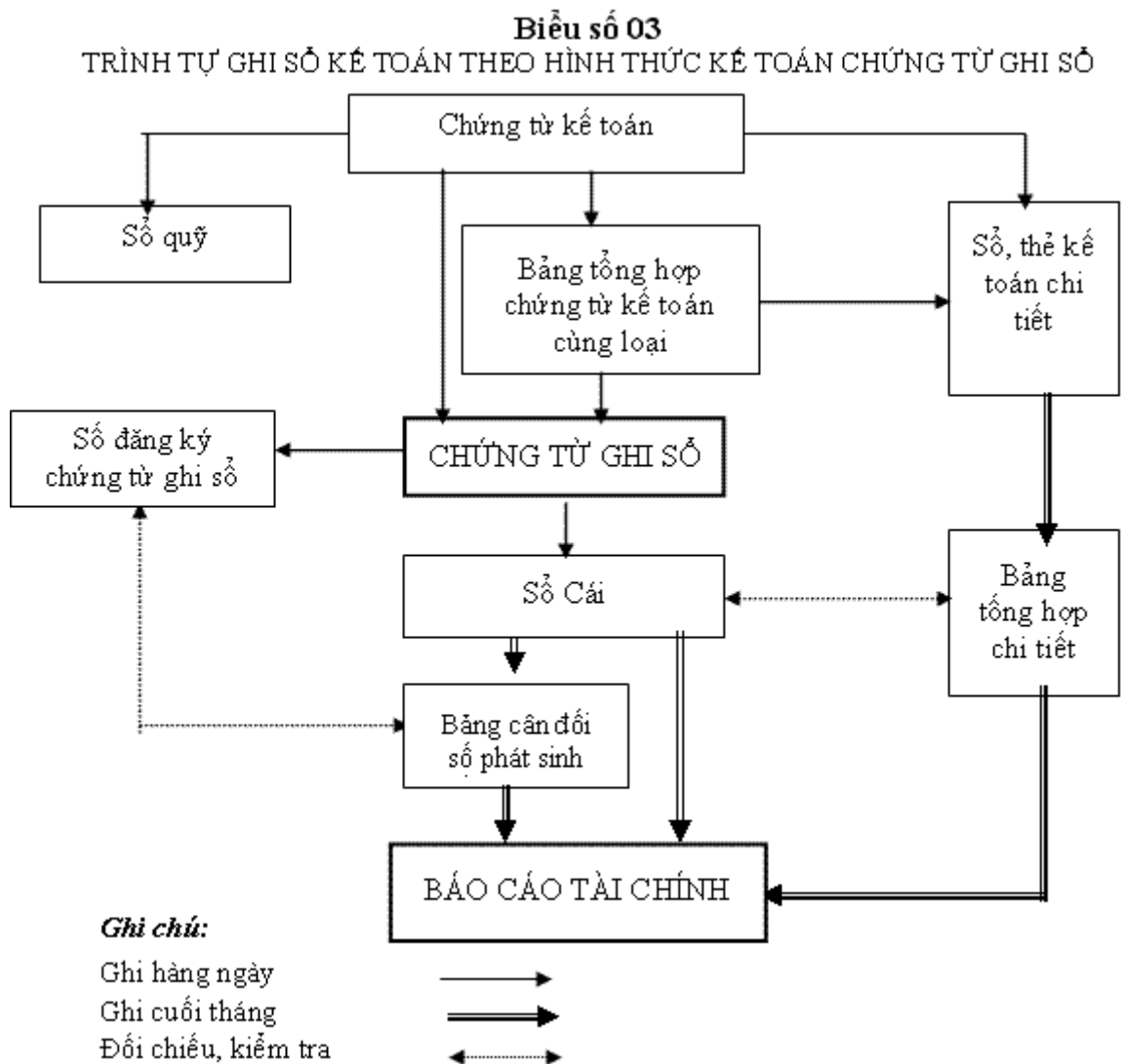
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập tên cơ sở từng chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chứng từ ghi sổ được đánh liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ gốc đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Các sổ thẻ kế toán chi tiết



(1)- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2)- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3)- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

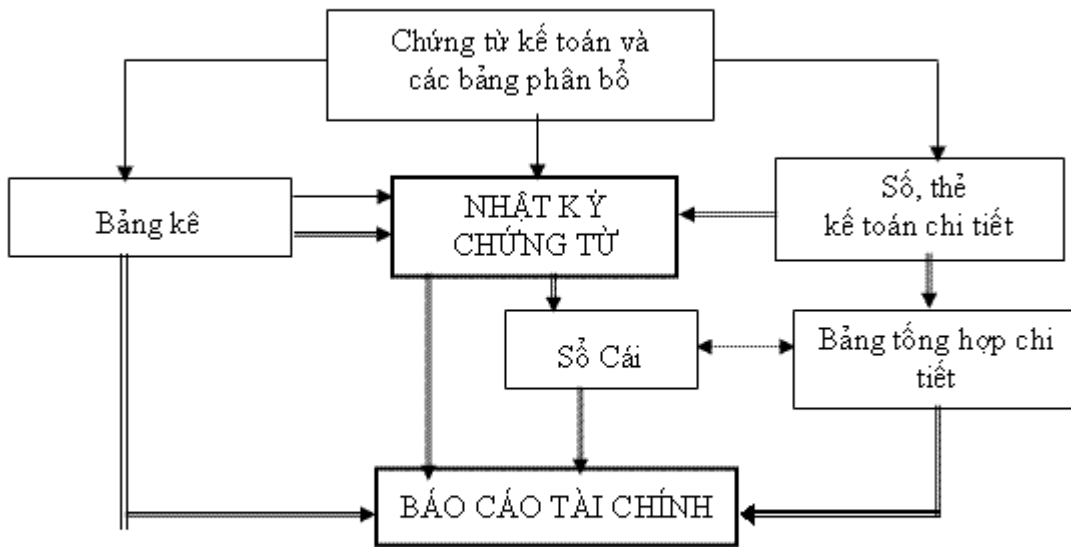
☞ **Đối với hình thức Nhật ký - Chứng từ:** Đặc trưng cơ bản của hình thức này là sổ kế toán tổng hợp dùng để phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên “Có” của mỗi tài khoản chỉ tập trung phản ánh trên Nhật ký - Chứng từ và từ nhật ký chứng từ sẽ phải ghi vào Sổ cái một lần vào cuối tháng.

Các loại sổ sử dụng theo hình thức Nhật ký - Chứng từ:

- + Nhật ký chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 04 TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - CHỨNG TỪ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

(2) Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Nguyên vật liệu có vai trò hết sức quan trọng trong việc cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu từ khâu thu mua, vận chuyển, đưa vào sản xuất tránh được những hao hụt mất mát đảm bảo cho chất lượng sản phẩm đúng quy định hợp đồng không làm chậm tiến độ của đơn đặt hàng. Điều này sẽ làm nâng cao uy tín trách nhiệm của mỗi DN để có thể đứng vững trên thị trường bên cạnh đối thủ cạnh tranh gay gắt. Vì mỗi DN có quy trình sản xuất riêng, cách tổ chức quản lý, sản xuất riêng biệt cho nên không thể vận dụng nó một cách khuôn mẫu nào mà phải luôn luôn tìm tòi, sáng tạo phát huy những năng lực có sẵn để luôn phù hợp với cơ chế thị trường.

Bất kỳ DN nào cũng phải đối đầu với những khó khăn thử thách vì vậy không phải lúc nào công việc sản xuất kinh doanh cũng được suôn sẻ mà những rủi ro kinh doanh thì không phải là không có. Nhưng quan trọng là DN phải nắm bắt được tình hình thực tế của DN, dự đoán điều gì sẽ xảy ra để đưa ra phương án tối ưu nhất và mang lại lợi nhuận cho DN.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải phòng

Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng được thành lập theo quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 19/07/2007 của UBND thành phố Hải Phòng trên cơ sở chuyển đổi từ 1 bộ phận công ty nhà nước: Xí nghiệp cơ khí công trình thuộc công ty đường bộ Hải Phòng sang công ty cổ phần, theo hình thức vừa bán 1 phần vốn nhà nước vừa phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn.

Tiền thân của Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng là xí nghiệp cơ khí công trình thuộc công ty đường bộ Hải Phòng. Trong suốt quá trình hoạt động, công ty đã sắp xếp lại nhiều lần cho phù hợp với mô hình sản xuất của công ty nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Từ ngày 01/06/2006 hai đơn vị sản xuất là xưởng công trình và đội vận tải và xe máy thi công được hợp nhất thành xí nghiệp cơ khí công trình. Đơn vị được hạch toán báo sổ với công ty đường bộ theo quy chế chung của công ty.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá các công ty nhà nước thành công ty cổ phần; Công ty đường bộ Hải Phòng đã tiến hành cổ phần hoá xí nghiệp cơ khí công trình thuộc công ty đường bộ Hải Phòng chuyển đổi thành “ Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng”.

- *Tên công ty:* Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

- *Trụ sở giao dịch:* Thôn Phú Hải- Phường Anh Dũng- Quận Dương Kinh- Thành phố Hải Phòng

- *Chức năng hoạt động chủ yếu:*

1. Sửa chữa phông tiện vận tải thuỷ, đóng mới phông tiện vận tải thuỷ dểi 500T.

2. Thi công, xây dựng các công trình giao thông thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, cây xanh, điện chiếu sáng, xây dựng bến bãi nhà ở, công trình dân dụng.

3. Chế biến vật liệu xây dựng, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa nóng Asphalt.

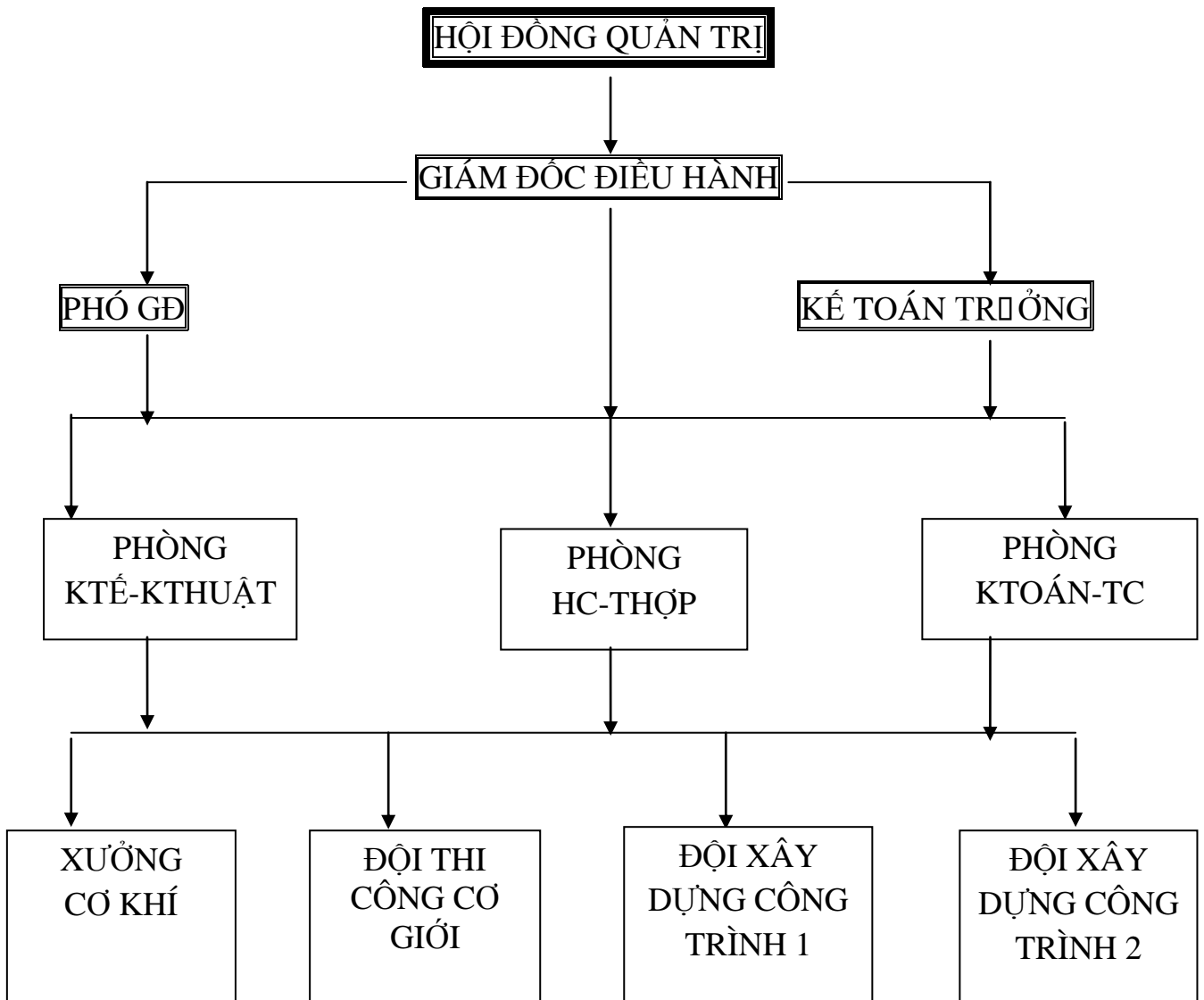
4. Sửa chữa vừa và lớn các hạng mục về cầu đường, kiến trúc nhà cửa.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

Với mục đích điều hành sản xuất kinh doanh và quản lý quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao bộ máy quản lý công ty được tổ chức hợp lý, gọn nhẹ góp phần làm giảm chi phí, nâng cao năng suất. Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty cổ phần dựng công trình đường bộ Hải Phòng



*Hội đồng quản trị: Là cơ quan cao nhất của công ty, hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức TGD và các bộ phận quản lý thuộc phạm vi quản lý của HĐQT.

*Giám đốc điều hành: Do HĐQT bầu ra thông qua đại hội đồng cổ đông, chịu trách nhiệm điều hành quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo mục tiêu, định hướng mà đại hội đồng, HĐQT đã thông qua.

*Phòng giám đốc:

Điều hành chung, chỉ đạo toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phó giám đốc:

+ Thay mặt giám đốc điều hành các công việc thường ngày khi giám đốc đi vắng.

+ Trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan tới sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp.

+ Thực hiện công tác đối nội trong nội bộ doanh nghiệp.

*Phòng kinh tế kỹ thuật:

Nghiên cứu, cập nhật các vấn đề liên quan tới kỹ thuật, áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới vào công ty. Chỉ đạo, giám sát công việc theo đúng công nghệ - kỹ thuật, kiểm tra phát hiện các sai sót, hạn chế của quá trình sản xuất; hướng dẫn điều chỉnh, cải tiến kịp thời các máy móc, thiết bị trong quá trình thực hiện thi công. Tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị. Tổng hợp, báo cáo về hệ thống trang thiết bị, máy móc của công ty và đề xuất mua sắm, sửa chữa.

*Phòng hành chính tổng hợp:

Thực hiện việc quản lý các chính sách về nguồn nhân sự, theo dõi ý thức, thái độ, lương thưởng, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá thực hiện công việc của công nhân viên, khuyến khích, động viên nhắc nhở, đề xuất khen thưởng hay kỷ luật và các vấn đề liên quan tới tâm lý đời sống công nhân viên trong công ty.

*Phòng kế toán tài chính:

Quản lý công tác thu- chi dòng tiền của công ty. Theo dõi, tính toán đảm bảo tính chính xác về nguồn vốn, công nợ. Hạch toán hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn công ty theo thời gian.

*Xưởng cơ khí:

Chịu trách nhiệm sửa chữa các loại máy thi công cũng như các vấn đề liên quan đến máy móc thiết bị tại công ty, thực hiện thi công các đơn đặt hàng sửa chữa đóng mới cầu phà các loại.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Các đòi hỏi thi công và đòi xây dựng công trình:

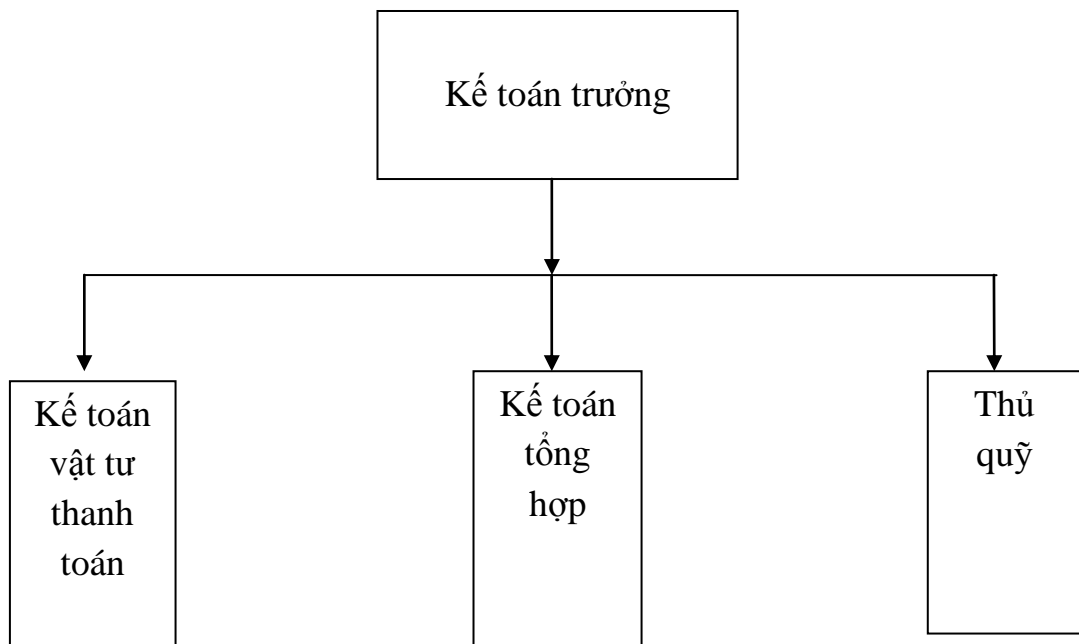
Chịu trách nhiệm thi công các công trình theo đơn đặt hàng hoặc các hợp đồng đã ký đảm bảo đúng tiến độ cũng như những yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Để đảm bảo cho bộ máy kế toán của công ty hoạt động có hiệu quả phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng



***Kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, chỉ đạo trực tiếp toàn bộ nhân viên trong công ty, làm tham mưu cho TGD về các hoạt động kinh doanh, tổ chức kế toán nội bộ trong công ty, khi quyết toán được lập xong, KT có nhiệm vụ thuyết minh và phân tích, giải thích kết quả sản xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu trong bảng quyết toán, nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính theo quy định.

* **Kế toán vật t_h, thanh toán**: Theo dõi toàn bộ công tác thanh toán bằng chuyển khoản, lập và trình với Ngân hàng các bảo lãnh thực hiện hợp đồng, thường xuyên cập nhật số dư tiền gửi, tiền vay, hạn mức vay, hàng tháng tập hợp chứng từ tiền gửi Ngân hàng, tính lãi vay. Đồng thời, hàng ngày tiếp nhận các chứng từ thanh toán thu chi tiền mặt, kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của chứng từ lập phiếu thu sau khi có ý kiến duyệt chi của phụ trách phòng kế toán và Giám đốc. Ngoài ra, kế toán còn đảm nhận việc theo dõi hàng hóa của toàn doanh nghiệp.

* **Thủ quỹ**: Là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ tại công ty

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006- ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán

Để phù hợp với sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, hiện nay công ty đang áp dụng hình thức Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu ghi trên sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký chung được mô tả theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của công ty theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Hàng ngày, cũng căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ nhật ký đặc biệt (nếu có).

(3) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 -DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03- DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

2.2.1. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu

Do đặc điểm của công ty là công ty xây dựng chuyên thi công hoặc bán bê tông nhựa nóng Asphalt cho các đơn vị nhận thi công các công trình giao thông đường xá, khu công trình dân dụng ở các khu dân cư, đóng mới và sửa chữa tàu nên để phục vụ cho quá trình thi công, sửa chữa công ty thường không sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu. Và để tiện cho công tác quản lý, theo dõi vật liệu công ty tiến hành phân loại thành các nhóm sau:

- Nhóm nguyên vật liệu chính bao gồm: cát, đá, nhựa đường, sắt thép
- Nhóm nguyên vật liệu phụ là oxy, que hàn
- Các chất phụ gia

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là dùng tiền để biểu hiện giá trị của chúng. Hiện nay công ty hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và nguyên vật liệu được tính theo giá gốc. Kế toán xác định giá nhập và xuất kho nguyên vật liệu như sau:

☞ *Tính giá nguyên vật liệu nhập kho*

Với đặc thù là đơn vị thi công xây lắp nên nguồn nguyên vật liệu chủ yếu của công ty là nguyên vật liệu mua ngoài

Giá thực tế NVL nhập kho	=	Giá mua ghi trên HĐGTGT (giá chưa có thuế VAT)	+	Chi phí thu mua	-	Các khoản giảm trừ (CKTM, giảm giá)
--------------------------------	---	--	---	--------------------	---	--

Chi phí thu mua thực tế bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, chi phí thuê kho bãi

☞ *Tính giá nguyên vật liệu xuất kho*

Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng xác định giá thực tế xuất kho theo *phương pháp giá thực tế đích danh*. Theo phương pháp này thì giá của nguyên vật liệu được giữ nguyên từ lúc nhập cho đến khi xuất. Xuất loại nguyên vật liệu nào thì tính giá đích danh cho loại nguyên vật liệu đó.

2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

2.2.2.1. Thủ tục nhập xuất nguyên vật liệu

☞ *Quá trình thu mua được diễn ra như sau:*

Do đặc thù là đơn vị thi công theo hợp đồng đã được ký kết nên khối lượng vật tư cần sử dụng cho mỗi hợp đồng sẽ được đội thi công cơ giới chủ động lên kế hoạch thu mua. Cụ thể như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Khi hợp đồng thi công được chấp nhận, giám đốc sẽ ra quyết định yêu cầu đội thi công cơ giới chủ động tiếp nhận hợp đồng và lên kế hoạch thu mua nguyên vật liệu.

- Đội thi công cơ giới tiếp nhận hợp đồng, dự trù nguồn chi phí nguyên vật liệu cần dùng và cử nhân viên của đội đi thu mua nguyên vật liệu.

- Thủ kho kiểm tra số lượng và chất lượng căn cứ vào hóa đơn Giá trị gia tăng, biên bản giao hàng, hóa đơn bán lẻ và tiến hành nhập kho.

- Kế toán kiểm tra số lượng thực tế và số lượng ghi trên chứng từ xem khớp hay chưa rồi tiến hành viết phiếu nhập. Phiếu nhập kho lập thành 3 liên.

⇨ *Quá trình thanh toán:*

- Nhân viên thanh toán sẽ thanh toán cho người bán bằng nhiều hình thức như: thanh toán bằng chuyển khoản, nợ trả sau, trả bằng tiền mặt.

⇨ *Thủ tục nhập nguyên vật liệu:*

- Nguyên vật liệu khi được mua về sẽ được tập kết tại kho của công ty. Nhân viên thu mua của đội sẽ tiến hành lấy mẫu theo tỷ lệ cấp phối theo đơn đặt hàng đã được ký kết và mang đến Las 9 (trung tâm thí nghiệm kiểm định xây dựng chi nhánh Hải Phòng) để kiểm nghiệm chất lượng vật liệu. Kết quả lấy về sẽ được đưa cho khách hàng. Mục đích của việc kiểm nghiệm là xác định số lượng quy cách, chất lượng vật liệu của người bán trước khi nhập kho và quy trách nhiệm rõ ràng khi sản phẩm mẫu bê tông được hoàn thành.

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng của người bán, kế toán vật tư tiến hành viết phiếu nhập vật tư.

Phiếu nhập vật tư được viết làm 3 liên:

+ 1 liên lưu tại phòng tài vụ vật tư

+ 1 liên thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

+ 1 liên giao cho cán bộ vật tư kèm theo hóa đơn khi thanh toán

⇨ *Thủ tục xuất nguyên vật liệu:*

Khi các đơn đặt hàng có nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, căn cứ vào yêu cầu về khối lượng thi công của khách hàng, căn cứ vào định mức tiêu hao

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nguyên vật liệu đội thi công cơ giới xin lĩnh vật tư. Sau khi giám đốc duyệt, vật tư sẽ được xuất cho tổ đội thi công tiến hành trộn bê tông.

Phiếu xuất vật tư được lập thành 3 liên:

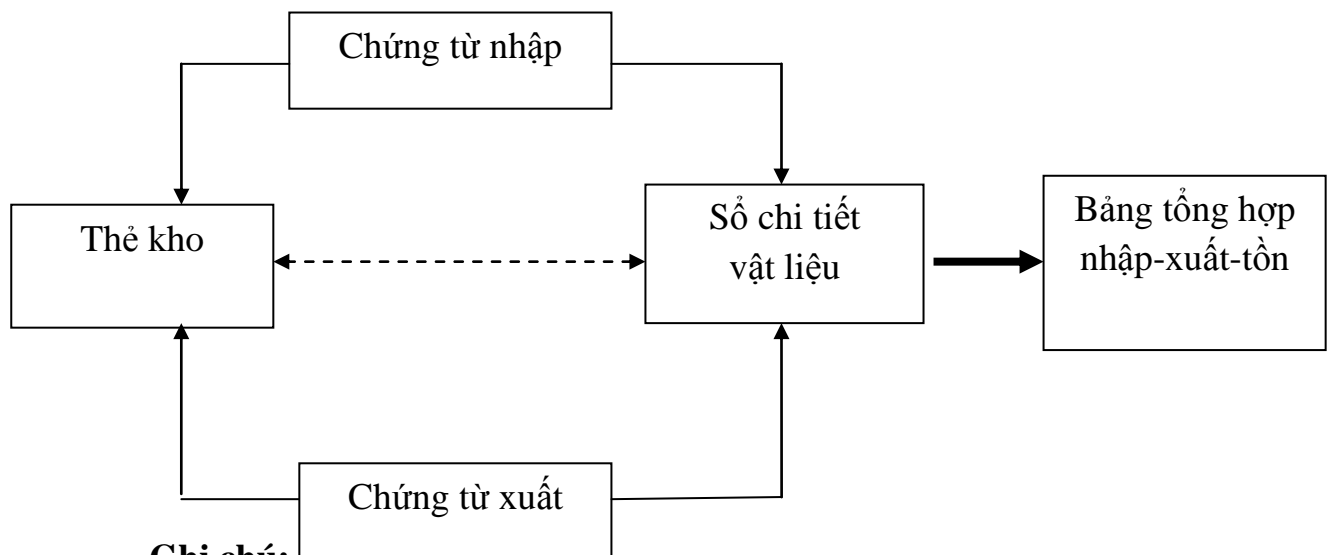
- + 1 liên lưu tại phòng tài vụ vật tư
- + 1 liên thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho
- + 1 liên giao cho tổ đội thi công

2.2.2.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia trực tiếp và thường xuyên vào quá trình sản xuất sản phẩm. Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn, nên việc sử dụng tiết kiệm vật liệu và sử dụng đúng mục đích đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Kế toán chi tiết NVL tại công ty được thực hiện theo phương pháp thẻ song song.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←-----> Quan hệ đối chiếu kiểm tra
- Ghi định kỳ hoặc hàng tháng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ **Ở kho:** Việc ghi chép tình hình biến động nhập, xuất, tồn do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi chép theo chỉ tiêu số lượng. Thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất kho được tập hợp cho từng loại vật liệu. Mỗi loại mở cho 1 thẻ kho mỗi ngày thủ kho ghi vào thẻ kho.

- Đối với chứng từ nhập kho, thủ kho ghi đầy đủ ngày tháng nhập kho, số lượng.

- Đối với chứng từ xuất kho thủ kho ghi đầy đủ ngày, số lượng vật liệu thực tế xuất kho cho từng phiếu xuất kho. Mỗi ngày thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho và tính ra số lượng tồn kho trong ngày.

Dòng tổng cộng của thẻ kho đem đối chiếu với sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ.

Cuối tháng kế toán tiến hành cộng sổ và đối chiếu với thẻ kho đồng thời lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn về mặt giá trị của từng loại vật liệu.

➤ **Ở phòng kế toán:** Kế toán vật tư mở sổ kế toán chi tiết vật liệu cho từng danh điểm vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Sổ này có nội dung tương tự như sổ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho.

VD1: Ngày 05/08/2011 mua 478,5 m³ cát vàng của công ty Trung Anh theo hóa đơn số 0000038. Trước khi nhập kho sẽ được lấy mẫu đem đi kiểm nghiệm.

- Kế toán tiến hành viết phiếu nhập kho số 99.

- Ngày 05/08/2011 xuất kho phục vụ thi công theo phiếu xuất số 122.

- Từ phiếu nhập số 99, phiếu xuất số 122 thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.1)

- Kế toán vào sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ (Biểu số 2.2)

- Cuối tháng lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn (Biểu số 2.7)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao người mua
Ngày 05 tháng 08 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: TA/11P
Số: 0000038

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TRUNG ANH

Mã số thuế: 1000187208

Địa chỉ: Thôn Dương Liễu 3-Xã Minh Tân -Kiến Xương –Thái Bình

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

Mã số thuế: 0200758471

Địa chỉ: Khu Phú Hải- Phường Anh Dũng- Quận Dương Kinh-Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cát vàng	m ³	478,5	190.000	90.915.000
	(Đơn giá trên đã bao gồm cả cước vận chuyển)				

Cộng tiền hàng: 90.915.000
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT 9.091.500
Tổng cộng tiền thanh toán: 100.006.500

Số tiền viết bằng chữ: *Một trăm triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

LAS XD 496

Địa chỉ: Số 2B Văn Cao –Ngô Quyền -Hải Phòng

Tel/Fax: 0313.733320 Email: Las_XD496 @ yahoo.com

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CÁT

Cơ quan yêu cầu: Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

Công trình: Cải tạo nâng cấp đường Vũ Chí Thắng GĐ1

Ngày thí nghiệm: 05/08/2011

Nguồn cát: Cát Vĩnh Phú

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Khối lượng riêng	g/cm ³	2,640	Lượng bùn ,bụi ,sét	%	0,86
Khối lượng thể tích	g/cm ³	1,488	Modul độ mịn		2,67
Chất độc hại	%		Tạp chất hữu cơ		Standard

CẤP PHỐI HẠT

Cỡ sàng		Lượng sót trên sàng	Phần trăm trên sàng	Phần trăm lọt sàng	Tiêu chuẩn kỹ thuật
Name of sieve	(mm)	(mm)	(gam)	(%)	(%)
1.in	25	0.0	0.0	100	
¾.in	20	0.0	0.0	100	
½.in	15	0.0	0.0	100	
N ^o .8	2.5	94.6	10.42	89.58	
N ^o .16	1.25	201.5	22.2	67.38	
3/8.in	10	0.0	0.0	100	
N ^o .4	5	0.0	0.0	100	
N ^o .30	0.63	201.4	22.19	45.2	
N ^o .50	0.315	241.6	26.61	18.58	
N ^o .100	0.14	56.6	6.23	12.35	
N ^o .200	0.071	38.3	4.22	8.13	
Pan		73.8			
Total		907.8			

Ghi chú: mẫu do khách hàng gửi đến

Thí nghiệm
KS Bùi Quang Tiến

Kiểm tra
KS Phạm Hùng Cường

Cơ quan thử nghiệm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng
Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số 01-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 08 năm 2011
Số: 99

Nợ 152/133
Có 141

Nhận của công ty Trung Anh

Theo số HĐ 0000038(TA/11P) ngày 05 tháng 08 năm 2011

Kết quả thí nghiệm ngày 05 tháng 08 năm 2011.

Người nhập: Vũ Văn Tĩnh. Nhập tại kho: Công ty

STT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cát vàng		m ³	478,5	478,5	190.000	90.915.000
	Cộng						90.915.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): *Chín mươi triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng.*
Số chứng từ gốc kèm theo

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng
Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số 02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

Nợ 621

Số: 122

Có 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Dũng

Địa chỉ: Đội phó đội thi công cơ giới

Lý do xuất: Công trình thảm đường Vũ Chí Thắng GD1

Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1.	Cát vàng		m ³	478,5	478,5	190.000	90.915.000
	Cộng						90.915.000

Tổng số tiền (bằng chữ): *Chín mươi triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng.*

Số chứng từ gốc kèm theo

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.1: Trích thẻ kho nguyên vật liệu cát vàng

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng

Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/08/2011 Tờ số: 75

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Cát vàng (CAT)

Đơn vị tính: m³ Mã số:.....

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				SDDK				443	
	
	05/08/2011	PN99		Nhập cát vàng của công ty Trung Anh	05/08	478,5		1436	
	05/08/2011		PX122	Xuất kho thi công	05/08		478,5	957,5	
	
	29/08/2011	PN119		Nhập cát vàng của công ty An Hòa	29/08	112		470	
				Cộng phát sinh		3300	3273		
				SD cuối kỳ				470	

Ngày 31 tháng 8 năm 2011

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.2: Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu cát vàng trong tháng 8/2011

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng

Khu Phú Hải-Anh Dũng –Đương Kinh –HP

Mẫu số S10-DN

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 8 năm 2011

Tên quy cách nguyên vật liệu: Cát vàng

Đơn vị tính:m³

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
					SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu tháng							443	84.170.000
	
PN99	05/08	Mua vật liệu nhập kho	141	190.000	478,5	90.915.000			1436	272.840.000
PX122	05/08	Xuất kho thi công	621	190.000			478,5	90.915.000	957,5	181.925.000
....
PN119	29/08	Mua vật liệu nhập kho	141	190.000	112	21.280.000			470	89.300.000
		Cộng phát sinh			3300	627.000.000	3273	621.870.000		
		Tồn cuối tháng							470	89.300.000

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Giám đốc

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD2: Ngày 15/08/2011 mua 10.390 kg nhựa đường của công ty cung ứng nhựa đường (ADCo) chưa thanh toán.

Căn cứ HDGTGT số 0066720 thủ kho và kế toán vật tư tiến hành kiểm tra số lượng và viết phiếu nhập kho số 108.

- Ngày 15/08/2011 xuất phục vụ thi công đường Vũ Chí Thắng GD2 theo phiếu xuất số 134.

- Từ phiếu nhập, phiếu xuất thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu 2.3), đồng thời kế toán vật tư ghi vào sổ chi tiết vật liệu (biểu 2.4).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT-3LL-01
Ký hiệu: AA/2008T
Số hóa đơn: 0066720

Bên bán: Công ty TNHH cung ứng nhựa đường ADCo
Địa chỉ: Tầng 8, số 2A Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84-4-9341048
Fax: 84-4-934-9811 Mã số thuế: 0100113039

Bên mua: Công ty CPXD công trình đường bộ HP
Địa chỉ: Thôn Phú Hải –Anh Dũng –Dương Kinh- HP
Điện thoại: 0313880151 Fax: 0313.880.152
Ngày đến hạn thanh toán: 04/09/2011 Mã số thuế: 0200758471

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nhựa đường 60/70	kg	10.390	12.900	134.031.000

Cộng tiền hàng: 134.031.000
Thuế suất 10% Tiền thuế VAT: 13.403.100
Tổng cộng: 147.434.100

Số tiền bằng chữ: *Một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi tư nghìn một trăm đồng.*

BÊN MUA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
Đào Thị Tuyết

BÊN BÁN
Phụ trách đơn vị
Nguyễn Hồng Sơn

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

LAS XD 496

Địa chỉ: Số 2B Văn Cao – Ngô Quyền - Hải Phòng

Tel/Fax: 0313.733320 Email: Las_XD496 @ yahoo.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG

Cơ quan yêu cầu: Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

Công trình: Nâng cấp cải tạo đường Vũ Chí Thắng GD2.

Loại nhựa đường: 60/70

Ngày thí nghiệm: 15/08/2011

Phương pháp thử: 22TCN 279-01

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM			
No	Chỉ tiêu thí nghiệm	Đơn vị tính	Kết quả thí nghiệm
1	Độ kim lún ở 25°C	1/10mm	64
2	Độ kéo dài ở 25°C	cm	>100
3	Nhiệt độ hóa mềm	°C	50
4	Nhiệt độ bắt lửa	°C	>230
5	Tỷ lệ kim lún trước và sau khi đun ở 163°C trong 5h	%	93.4
6	Lượng tổn thất sau khi đun ở 163°C trong 5h	%	0.31
7	Khối lượng riêng ở 25°C	g/cm ³	1.033
8	Độ dính bám với đá vôi	cấp	cấp 4

Nhận xét: Theo 22TCN-279-01. Nhựa đường thuộc mác 60/70.

Mẫu do khách hàng gửi đến.

Thí nghiệm

KS Bùi Quang Tiến

Kiểm tra

KS Phạm Hùng Cường

Cơ quan thử nghiệm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng
Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số 01-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 15 tháng 08 năm 2011
Số:108

Nợ 152/133
Có 331

Nhận của Công ty cung ứng nhựa đường ADCo

Theo số HĐ 0066720(AA/2008T) ngày 15 tháng 08 năm 2011

Kết quả thí nghiệm ngày 15 tháng 08 năm 2011.

Người nhập: Vũ Văn Tinh. Nhập tại kho: Công ty

STT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nhựa đường		kg	10.390	10.390	12.900	134.031.000
	Cộng						134.031.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): *một trăm ba mươi tư triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng.*

Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần XDCT đường bộ HP
Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số 02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nợ 621

Số: 134

Có 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Dũng

Địa chỉ: Đội phó đội thi công cơ giới

Lý do xuất: Công trình thảm đường Vũ Chí Thắng GD2

Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1.	Nhựa đường		kg	10.390	10.390	12.900	134.031.000
	Cộng						134.031.000

Tổng số tiền (bằng chữ): *một trăm ba mươi tư triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng.*

Ngày 15 tháng 08 năm 2011

**Người
lập phiếu**
(ký, họ tên)

**Người
nhận
hàng**
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.3: Trích thẻ kho nguyên vật liệu nhựa đường

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng

Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/08/2011 Tờ số: 81

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Nhựa đường 60/70

Đơn vị tính: kg Mã số:.....

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				SDDK				—	
	
	15/08/2011	PN108		Nhập nhựa đường của công ty ADCo	15/08	10.390		21.150	
	15/08/2011		PX134	Xuất kho thi công	15/08		10.390	10.760	
	
	29/08/2011	PX146		Xuất kho thi công	29/08		7.926	128	
				Cộng phát sinh		34.526	34.398		
				SD cuối kỳ				128	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 8 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.4: Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu nhựa đường trong tháng 8/2011

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng

Khu Phú Hải-Anh Dũng –Đương Kinh –HP

Mẫu số S10-DN

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 8 năm 2011

Tên quy cách nguyên vật liệu: Nhựa đường

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
					SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu tháng							—	—
	
PN108	15/08	Mua vật liệu nhập kho	331	12.900	10.390	134.031.000			21.150	272.835.000
PX134	15/08	Xuất kho thi công	621	12.900			10.390	134.031.000	10.760	138.804.000
....
PX146	29/08	Xuất kho thi công	621	12.900			7926	102.245.400	128	1.651.200
		Cộng phát sinh			34.526	445.385.400	34.398	443.734.200		
		Tồn cuối tháng							128	1.651.200

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 08 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD3: Ngày 20/08/2011 nhập 8.827 kg bột đá của Xí nghiệp tập thể 363 theo hóa đơn số 0000819 trả bằng tiền mặt.

- Căn cứ HDGTGT số 0000819 thủ kho và kế toán vật tư tiến hành kiểm tra số lượng và viết phiếu nhập kho số 118.
- Ngày 20/08/2011 xuất phục vụ thi công đường từ chân cầu An Dương đến cổng công ty HaPaCo theo phiếu xuất số 142.
- Từ phiếu nhập, phiếu xuất thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu 2.5), đồng thời kế toán vật tư ghi vào sổ chi tiết vật liệu (biểu 2.6).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao người mua
Ngày 20 tháng 08 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: TA/11P
Số: 0000819

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp tập thể 363
Mã số thuế: 0200690463
Địa chỉ: Số 89- Phường Quán Toan- Quận Hồng Bàng -HP

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng
Mã số thuế: 0200758471
Địa chỉ: Khu Phú Hải- Phường Anh Dũng- Quận Dương Kinh-Hải Phòng
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản

STT	Tên hàng hóa ,dịch và	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bột đá	kg	8.827	550	4.854.850

	Cộng tiền hàng:	4.854.850
Thuế suất thuế GTGT 10%	Tiền thuế GTGT:	485.485
	Tổng cộng tiền thanh toán:	5.340.335

Số tiền viết bằng chữ: *Năm triệu ba trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

LAS XD 496

Địa chỉ: Số 2B Văn Cao –Ngô Quyền -Hải Phòng

Tel/Fax: 0313.733320 Email: Las_XD496 @ yahoo.com

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM BỘT ĐÁ

Cơ quan yêu cầu: Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng.

Công trình: Cải tạo nâng cấp đường công công ty Hapaco.

Ngày thí nghiệm: 20/08/2011

Loại vật liệu: Bột đá

CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT					
Khối lượng riêng	g/cm ³	2,707	Lượng bụi , sét	%	
Độ rỗng	%	33,2	Độ nở	%	2.26
Độ ẩm	%	0,86	Khả năng hút nhựa của bột khoáng	g	45,3

CẤP PHÔI HẠT					
Cỡ sàng		Lượng sót trên sàng	Phần trăm trên sàng	Phần trăm lọt sàng	Tiêu chuẩn kỹ thuật
Name of sieve	(mm)	(mm)	(gam)	(%)	(%)
1.in	25				
¾.in	20				
½.in	15				
N ^o .8	2.5	0	0.00	100.00	
N ^o .16	1.25	0	0.00	100.00	
3/8.in	10				
N ^o .4	5				
N ^o .30	0.63	0	0.00	100.00	
N ^o .100	0.315	11,4	7.62	92.38	
N ^o .100	0.14	18,2	12.16	80.23	
N ^o .200	0.071	10,9	7.28	72.95	
Pan		109,2			
Total		149,7			

Ghi chú: mẫu do khách hàng gửi đến

Thí nghiệm

KS Bùi Quang Tiến

Kiểm tra

KS Phạm Hùng Cường

Cơ quan thử nghiệm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng
Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số 01-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 20 tháng 08 năm 2011
Số: 118

Nợ 152/133
Có 111

Nhận của Xí nghiệp tập thể 363

Theo số HĐ 0000819(TA/11P) ngày 20 tháng 08 năm 2011

Kết quả thí nghiệm ngày 20 tháng 08 năm 2011.

Người nhập: Vũ Văn Tĩnh. Nhập tại kho: Công ty

STT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bột đá		kg	8.827	8.827	550	4.854.850
	Cộng						4.854.850

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): *Bốn triệu tám trăm năm mươi tư nghìn tám trăm năm mươi đồng.*

Ngày 20 tháng 08 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng
Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số 02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 08 năm 2011

Nợ 621

Số: 142

Có 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Dũng

Địa chỉ: Đội phó đội thi công cơ giới

Lý do xuất: Công trình thảm đường công công ty HaPaCo

Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1.	Bột đá		kg	8.827	8.827	550	4.854.850
	Cộng						4.854.850

Tổng số tiền (bằng chữ): *Bốn triệu tám trăm năm mươi tư nghìn tám trăm năm mươi đồng.*

Ngày 20 tháng 08 năm

2011

**Người lập
phiếu**
(ký, họ tên)

**Người
nhận
hàng**
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.5: Trích thẻ kho nguyên vật liệu bột đá

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng
Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/08/2011 Tờ số: 85

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: BDA - Bột đá

Đơn vị tính: kg Mã số:.....

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				SDDK				—	
	
	20/08/2011	PN118		Nhập bột đá của Xí nghiệp tập thể 363	20/08	8.827		21.253	
	20/08/2011		PX142	Xuất kho thi công	20/08		8.827	12.426	
	
	29/08/2011	PX146		Xuất kho thi công	29/08		7926	27.038	
				Cộng phát sinh		823.338	796.300		
				SD cuối kỳ				27.038	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 8 năm 2011

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.6: Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu bột đá trong tháng 8/2011

Công ty cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng
Khu Phú Hải-Anh Dũng –Đương Kinh –HP

Mẫu số S10-DN

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 8 năm 2011

Tên quy cách nguyên vật liệu: Bột đá

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu tháng							—	—
	
PN118	20/08	Mua vật liệu nhập kho	111	550	8.827	4.854.850			21.253	11.689.150
PX142	20/08	Xuất kho thi công	621	550			8.827	4.854.850	12.426	6.834.300
....
PX146	29/08	Xuất kho thi công	621	550			7.926	4.359.300	27.038	14.870.900
		Cộng phát sinh			823.338	452.835.900	796.300	437.965.000		
		Tồn cuối tháng							27.038	14.870.900

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 08 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Trích bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu tháng 8 năm 2011

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN

Tài khoản 152

Tháng 8/2011

Tên quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số tiền							
		Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
Bột đá	kg			823.338	452.835.900	796.300	437.965.000	27.038	14.870.900
Cát vàng	m ³	443	84.170.000	3.300	627.000.000	3.273	621.870.000	470	89.300.000
Nhựa đường đặc	kg			34.526	445.385.400	34.398	443.734.200	128	1.651.200
Nhũ tương	kg	631	5.152.115	7.008	57.220.320	6.037	49.292.105	1.602	13.080.330
Đá 1x2	m ³	21	3.360.000	271	43.360.000	253	40.480.000	39	6.240.000
Đá 5x10	m ³	12	1.980.000	542	89.430.000	539	88.935.000	15	2.475.000
Dầu FO	kg			13.587	153.038.533	10.088	113.627.197	3.499	39.411.336
LPXD	kg			13.587	4.073.400	10.088	3.026.400	3.499	1.049.700
oxy	chai	54	2.052.000	34	1.292.000	37	1.406.000	51	1.938.000
Đá 05	m ³	18,5	2.312.500	271	33.875.000	253	31.625.000	36,5	4.562.500
....
....
Cộng		x	138.160.765	x	2.238.141.101	x	2.218.504.305	x	157.797.561

Ngày 31 tháng 8 năm 2011

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các TK kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu, Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này tình hình biến động thường xuyên nhập, xuất, tồn kho tại công ty được ghi chép phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn Giá trị gia tăng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

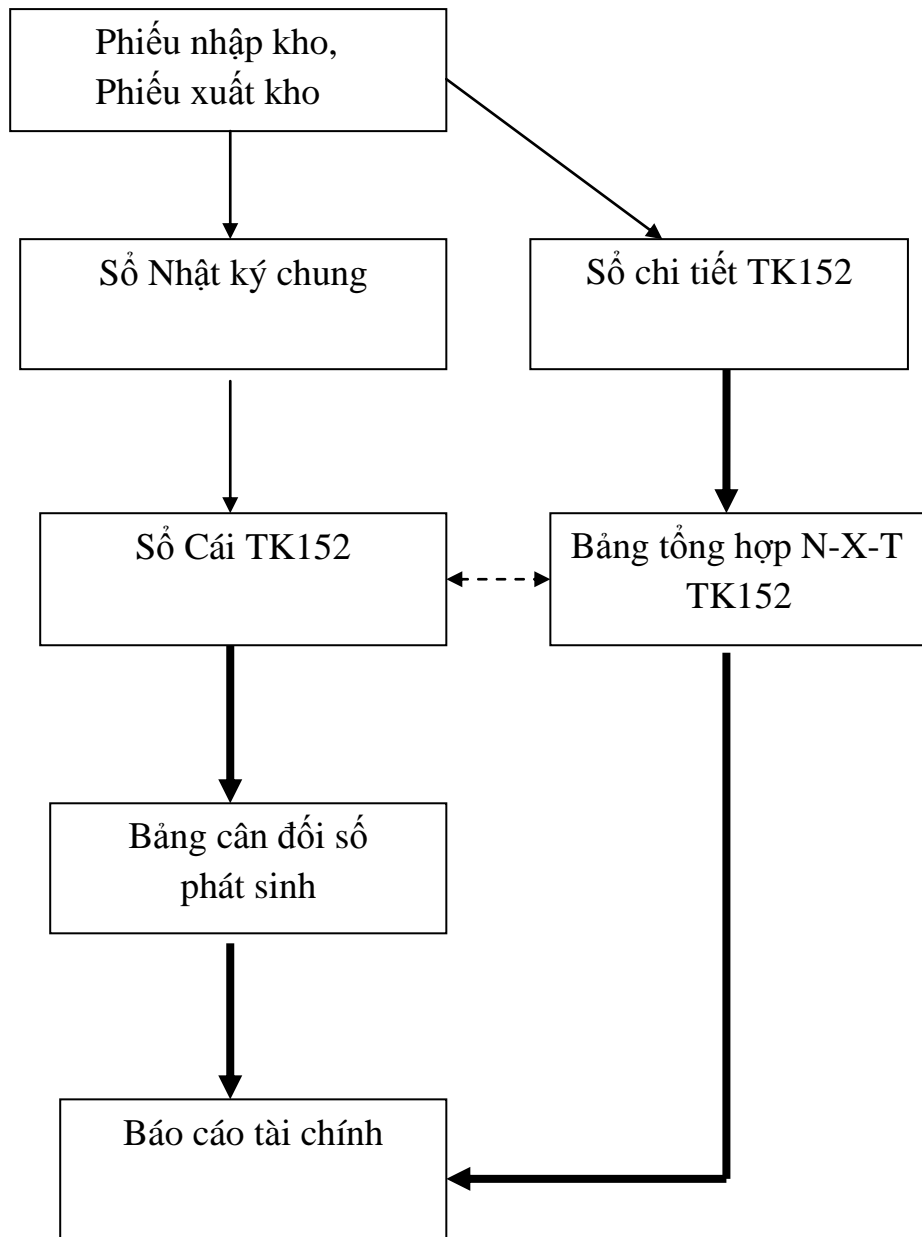
- TK152- Nguyên liệu, vật liệu
- Các TK có liên quan khác: TK111, TK331, TK621, TK133,.....

2.2.3.3. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty được thể hiện qua sơ đồ sau

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty CPXD công trình đường bộ Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←- - -> Quan hệ đối chiếu kiểm tra
- Ghi cuối tháng, cuối quý

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ở phòng kế toán, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, kế toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết tài khoản 152, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK152. Cuối tháng hoặc cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết TK 152 ghi Bảng tổng hợp nhập -xuất -tồn nguyên vật liệu, rồi kế toán kiểm tra đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK 152 với bảng tổng hợp nhập -xuất-tồn nguyên vật liệu xem có khớp đúng không.

Cuối quý cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái, Bảng tổng hợp nhập xuất tồn dùng để lập báo cáo tài chính.

Trường hợp 1: Tạm ứng cho nhân viên đi mua nguyên vật liệu:

Trở lại VD1(trong phần kế toán chi tiết nguyên vật liệu):

Ngày 05/08/2011 mua cát vàng của công ty Trung Anh theo hóa đơn GTGT số 0000038.

* Thủ kho và kế toán vật tư tiến hành kiểm tra số lượng và tiến hành ghi phiếu nhập kho số 99.

* Cũng trong ngày 05/08/2011 xuất kho nguyên vật liệu phục vụ thi công thảm đường Vũ Chí Thắng theo phiếu xuất số 122.

* Căn cứ vào Phiếu báo nợ số 87.

* Căn cứ vào giấy thanh toán tiền tạm ứng đồng thời viết phiếu chi số 43.

* Từ phiếu nhập số 99, phiếu xuất số 122, phiếu chi số 43 kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.8) vào sổ cái TK 152(Biểu số 2.9), TK133, TK621, TK112, TK111.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

NQN-TCB NGŨ QUYỀN

MST: 0100230800-004

TECHCOMBANK

Theo công văn số 21/208/CT/AC

Cục thuế Hà Nội

PHIẾU BÁO NỢ

Số: 87

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

Kính gửi: CTCPCD công trình đường bộ HP

Địa chỉ: Thôn Phú Hải xã Anh Dũng-Kiến Thụy

Mã số thuế: 0200758471

Số ID khách hàng: 20484213

Số tài khoản: 109.20481213.01.0

Loại tiền: VND

Loại tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số bút toán hạch toán: TT1109200201

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Rút tiền mặt bằng Sec	100.000.000
Tổng số tiền	100.000.000

Số tiền bằng chữ: **Một trăm triệu VNĐ chẵn**

Trích yếu: Vũ Thị Thanh Hương rút tiền từ tài khoản CT CP XD công trình đường bộ Hải Phòng số Sec 033271 số tiền rút 100.000.000

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

CHI NHÁNH TECHCOMBANK HP

PHÒNG GIAO DỊCH NGŨ QUYỀN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CPXD công trình đường bộ HP
Khu Phú Hải –Anh Dũng –Đương Kinh -HP

Mẫu số 04-TT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Số :09

Nợ :.....

Có :.....

Họ và tên người thanh toán: Vũ Văn Tỉnh

Địa chỉ: Đội phó đội thi công cơ giới

Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
I/Số tiền tạm ứng	
1.Số tạm ứng kỳ trước chưa chia hết	
2.Số tạm ứng kỳ này	100.000.000
BN 87 ngày 05/08/2011	100.000.000
II/Số tiền đã chi	100.006.500
1.HĐGTGT số 0000038 ngày 05/08/2011	100.006.500
III/Chênh lệch	6.500
1.Số tạm ứng không chi hết (I-II)	
2.Chi quá số tạm ứng	6.500

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người đề nghị
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty CPXD công trình đường bộ HP
Khu Phú Hải-Anh Dũng –Đương Kinh -HP

Mẫu số :02-TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006 ban hành
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Số :43/T08

Nợ:141

Có:111

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Văn Tĩnh.

Địa chỉ: Đội phó đội thi công cơ giới.

Lý do chi: Chi trả tiền theo giấy thanh toán tạm ứng số 09 ngày 10/08/2011

Số tiền: 6.500đ

Kèm theo: 01 HĐGTGTchứng từ gốc.

Đã nhận đủ tiền

Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Giám đốc
(ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**
(ký, họ tên)

**Người nhận
tiền**
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trường hợp 2: Mua nguyên vật liệu chưa thanh toán cho người bán:

Trở lại VD2: Ngày 15/08/2011 mua nhựa đường của công ty cung ứng nhựa đường ADCo theo hóa đơn GTGT số 0066720 (trong phần kế toán chi tiết nguyên vật liệu)

*Kế toán tiền hành viết phiếu nhập số 108.

*Ngày 15/08/2011 xuất nhựa đường cho thi công theo phiếu xuất số 134.

*Từ phiếu nhập số 108, phiếu xuất số 134 kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, từ Nhật ký chung (Biểu 2.8) vào Sổ cái TK 152(Biểu 2.9), TK133, TK621, TK331.

*Ngoài ra kế toán còn ghi vào Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Biểu 2.10), Sổ chi tiết vật liệu dụng cụ. Cuối tháng lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 331, lập Bảng tổng hợp nhập -xuất -tồn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty CPXD công trình đường bộ HP
Khu Phú Hải –Anh Dũng –Dương Kinh-HP

Mẫu số S03a-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
02/01	HD0034029	02/01	Thi công cải tạo nút giao thông ngã 3 NBK			131 511 333	186.613.464	169.648.603 16.964.861
....
02/05	HD0034033	02/05	Cho thuê xe lu 10 tấn			131 511 333	2.376.000	2.160.000 216.000
....
25/05	PK041A	25/05	Tính tiền thuế nhà đất năm 2010 vào chi phí quản lý DN			642 3337	4.613.000	4.613.000
....
05/08	GBN 87	05/08	Rút TGNH tạm ứng cho nhân viên mua NVL			141 112	100.000.000	100.000.000
05/08	PN99	05/08	Mua cát vàng của công ty Trung Anh			152 133 141	90.915.000 9.091.500	100.006.500

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

05/08	PX122	05/08	Xuất NVL cho thi công			621 152	90.915.000	90.915.000
....
10/08	PC43	10/08	TT tiền theo giấy thanh toán tạm ứng số 09			141 111	6.500	6.500
....
15/08	PN108	15/08	Nhập nhựa đường của công ty ADCo			152 133 331	134.031.000 13.403.100	147.434.100
15/08	PX134	15/08	Xuất NVL cho thi công			621 152	134.031.000	134.031.000
....
20/08	PN118	20/08	Nhập bột đá của Xí nghiệp tập thể 363			152 133 111	4.854.850 485.485	5.340.335
20/08	PX142	20/08	Xuất vật liệu thi công	621 152	4.854.850	4.854.850
....
11/12	PC56	11/12	TT tiền mua chè tiếp khách, photo tài liệu, mua văn phòng phẩm			642 111	422.000	422.000
...
20/12	PT72	20/12	Thu tiền vi phạm HC vì mất HĐGTGT			111 138	2.000.000	2.000.000
.....
			Cộng phát sinh				333.288.018.180	333.288.018.180

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.9: Trích sổ cái TK 152

Công ty CPXD công trình đường bộ HP
Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số:S03b-DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI
Năm 2011
Tên TK: Nguyên vật liệu
Số hiệu: 152

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK				1.657.926.176	
....
05/08	PN99	05/08	Nhập cát vàng của công ty Trung Anh			141	90.915.000	
05/08	PX122	05/08	Xuất NVL cho thi công			621		90.915.000
....
15/08	PN108	15/08	Nhập nhựa đường của công ty ADCo			331	134.031.000	
15/08	PX134	15/08	Xuất NVL cho thi công			621		134.031.000
...
20/08	PN118	20/08	Nhập bột đá của Xí nghiệp tập thể 363			111	4.854.850	
20/08	PX142	20/08	Xuất NVL cho thi công			621		4.854.850
....
			Cộng phát sinh				23.257.693.217	21.934.493.427
			SDCK				2.981.128.966	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10: Trích Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Công ty CPXD công trình đường bộ HP
Khu Phú Hải-Anh Dũng-Dương Kinh-HP

Mẫu số S31-DN
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tháng 08 năm 2011

Tên TK: Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty TNHH cung ứng nhựa đường ADCo

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn đc chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			SDDK						
			Phát sinh trong kỳ						
....
04/08	PN100	04/08	Mua nhựa đường 60/70	152			100.659.000		120.659.000
				133			10.065.900		130.724.900
....
15/08	PN108	15/08	Mua nhựa đường 60/70	152			134.031.000		140.650.000
				133			13.403.100		154.053.100
...
			Cộng phát sinh			1.027.300.000	1.106.900.000		
			SDCK						79.600.000

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 8 năm 2011
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.4. Công tác kiểm kê kho ở Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

Theo quy định của Nhà nước mỗi năm các công ty phải tiến hành kiểm kê hàng tồn kho, và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê vật liệu là xác định là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng của vật tư tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế để nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư tại công ty.

Nhưng trên thực tế công ty không tiến hành kiểm kê kho. Sử dụng hoàn toàn số liệu trên sổ sách. Lý giải cho điều này do đặc thù là đơn vị thi công, khối lượng nguyên vật liệu cần phải sử dụng là rất lớn, công tác kiểm kê gặp nhiều khó khăn.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng

Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng là một DN mới thành lập. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là sửa chữa vừa và lớn các hạng mục về cầu đường, kiến trúc nhà cửa. Mặc dù trong nền kinh tế thị trường các DN hoạt động trong lĩnh vực xây dựng được thành lập rất nhiều. Nhưng công ty đã vượt qua được những khó khăn về cạnh tranh để đứng vững và ngày càng phát triển.

+ Trong quá trình hoạt động, công ty đã nhận thi công nhiều công trình xây dựng giao thông, công trình rải thảm Asphalt và công trình cơ khí trên địa bàn thành phố cũng như các vùng lân cận như Hà Nội, Hải Dương, Quảng Ninh.....

+ Đảm bảo cho đời sống cán bộ công nhân viên ngày một khá.

+ Làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

+ Không ngừng đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất và tích cực mua sắm trang thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất ngày một hoàn chỉnh hơn (như mua mới thêm các loại máy thi công, máy móc văn phòng...)

+ Hoàn chỉnh từng bước việc tổ chức sắp xếp lực lượng sản xuất với những mô hình thực sự có hiệu quả theo từng giai đoạn.

+ Đào tạo và lựa chọn đội ngũ cán bộ công nhân viên có đủ năng lực và trình độ để đáp ứng mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh trong thời kỳ hiện tại.

Để đứng vững và phát triển trong thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như ngày nay đòi hỏi nhà quản lý phải quán triệt chất lượng toàn bộ công tác quản lý. Hạch toán kinh tế là bộ phận cấu thành của công cụ quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của các DN đồng thời cũng là công cụ đắc lực cho nhà nước trong quản lý lãnh đạo, chỉ đạo kinh doanh. Từ đó thực hiện đầy đủ chức năng, phản ánh và giám sát mọi hoạt động kinh tế - chính trị. Kế toán phải thực hiện những quy định cụ thể, thống nhất phù hợp với tính toán khách quan và nội dung yêu cầu của 1 cơ

chế quản lý nhất định. Đặc biệt là quản lý các yếu tố chi phí đầu vào-trong đó chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp.

3.1.1. Ưu điểm

➤ Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc, được bố trí phù hợp với những khả năng của mỗi người đã góp phần đắc lực vào công tác hạch toán kế toán, quản lý kinh tế tài chính của công ty.

Trong nội bộ phòng kế toán luôn quán triệt chế độ trách nhiệm mỗi phần việc đều có người phụ trách. Trưởng phòng kế toán phụ trách chung công việc. Mỗi nhân viên đều hiểu rõ chức năng của mình, luôn học hỏi để nâng cao trình độ nghiệp vụ. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho bộ máy kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ với hiệu suất chất lượng cao.

Công ty đã áp dụng vi tính vào công tác kế toán để tiết kiệm chi phí, giảm bớt khối lượng công việc và thời gian cho nhân viên kế toán, giúp cho nhân viên kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

➤ Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu

Về công tác thu mua bảo quản vật tư: Công ty luôn luôn chú trọng đến vấn đề chất lượng, số lượng vật tư sao cho phù hợp với yêu cầu thực tế để đáp ứng đầy đủ kịp thời cho quá trình sản xuất, đảm bảo kịp thời tiến độ thi công và chất lượng của công trình khi bàn giao cho khách hàng.

Định mức vật tư được xây dựng có khoa học và được áp dụng khá nghiêm ngặt. Về vấn đề thanh toán với nhà cung cấp vật tư đều được nhân viên kế toán theo dõi sát sao trên hệ thống sổ chi tiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối chiếu, thanh toán công nợ theo hợp đồng kinh tế.

➤ Về việc tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ sách kế toán. Hình thức này có nhiều ưu điểm: ghi chép đơn giản, rõ ràng, kết hợp các TK tổng hợp và chi tiết trên cùng một sổ sách kế toán, tạo điều kiện thuận lợi trong việc lập báo

cáo tài chính. Do đó hình thức này phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Sổ Cái và Nhật ký chung được công ty áp dụng và ghi chép đầy đủ, cẩn thận rõ ràng. Các TK cấp 1 và cấp 2 được công ty sử dụng phù hợp khi hạch toán.

Công ty sử dụng hệ thống chứng từ ban hành theo đúng mẫu quy định của chế độ kế toán đã ban hành. Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo QĐ số 15/2006-QĐ/BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

➤ Về tổ chức kế toán nguyên vật liệu

Tổ chức hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu công ty áp dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này có nhiều ưu điểm và hàng tồn kho đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được kiểm tra thường xuyên, liên tục. Phương pháp hạch toán này giúp công tác quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu chính xác kịp thời hơn. Đây là một lựa chọn sáng suốt của công ty trong phương pháp hạch toán.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại vật liệu đồng thời kiểm tra, đối chiếu các chứng từ cũng đơn giản. Các thẻ kho, sổ chi tiết có liên quan của phương pháp này được công ty mở và ghi chép đúng mẫu, kịp thời và đầy đủ.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được trong công tác kế toán nguyên vật liệu công ty còn một số hạn chế cần khắc phục để đi đến hoàn thiện.

+ Việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ là rất cần thiết, nhưng do yêu cầu của thị trường hiện nay, mỗi công trình được công ty thi công phải đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công nhanh, hạ giá thành, từng công trình hoàn thành bàn giao có giá trị lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh lúc đó 1 kế toán và một thủ kho là số ít. Có thể có những hợp đồng thi công ở địa bàn các tỉnh lân cận, việc bố trí gọn nhẹ này làm cho công tác kế toán vật liệu sẽ thiếu chính xác, chưa đáp ứng được

yêu cầu của công tác quản lý sản xuất nói chung và công tác hạch toán chi phí vật liệu nói riêng.

+ Việc phân loại nguyên vật liệu công ty chưa tiến hành một cách chi tiết. Công ty có sử dụng vi tính để hỗ trợ cho công tác hạch toán nguyên vật liệu nhưng chưa tiến hành mã hóa và chưa lập sổ danh điểm vật tư.

+ Công tác bảo quản nguyên vật liệu tại công ty chưa được chú trọng, kho tàng bến bãi của công ty chưa đủ cho công tác lưu trữ, có khi nguyên vật liệu mua về chỉ được phủ bạt để ngoài trời, nếu gặp điều kiện thời tiết không thuận lợi gây thất thoát lãng phí.

+ Tại công ty ghi sổ cho tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu được ghi trên 3 sổ: Thẻ kho, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn. Việc ghi chép này có sự trùng lặp nên có thể thay “Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn” bằng một Bảng N-X-T khác theo chỉ tiêu giá trị.

+ Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính cho phòng kế toán song máy vi tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán kế toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên khối lượng công việc mà kế toán phải làm là rất vất vả, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc. Trong thời gian tới công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán để giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty CPXD công trình đường bộ Hải Phòng

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện:

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cần chú ý đến những nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.

- Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải được tính theo giá gốc.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Nguyên tắc thận trọng: Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần cẩn trọng từng bước một.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện:

Hoàn thiện kế toán trong công ty là một việc hết sức cần thiết, để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yếu tố sau:

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung.
- Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán ở Việt Nam.
- Phải dựa trên cơ sở phù hợp với điều kiện và nhu cầu quản lý của công ty.
- Phải đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa chi phí và lợi ích trong công tác hạch toán kế toán.

3.2.3. Nội dung hoàn thiện:

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán tại công ty đã làm được thì vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu lý luận và thực tiễn, em xin đề xuất một số ý kiến. Theo em công ty cần có những biện pháp khắc phục những hạn chế trên để làm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

☞ *Ý kiến 1: Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm vật tư:*

Sổ danh điểm nguyên vật liệu: Là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại vật liệu mà công ty đã và đang sử dụng. Trong sổ danh điểm vật liệu được theo dõi từng loại, từng nhóm, từng quy cách, chặt chẽ giúp cho công tác quản lý và hạch toán vật liệu ở công ty được thống nhất dễ dàng.

Để lập sổ danh điểm vật liệu điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ không trùng lặp thuận tiện và hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu
- Dựa vào nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu trong mỗi loại

Trước hết bộ mã nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số hiệu các TK cấp 2 đối với nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu chính: 1521

- Nguyên vật liệu phụ: 1522

- Nhiên liệu: 1523

Trong mỗi loại nguyên vật liệu phân thành các nhóm và lập mã số cho từng nhóm. Ở công ty nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại thường dưới 10 nhóm nên ta thường dùng chữ số để biểu thị.

Nhóm nguyên vật liệu chính: 1521

Loại 1: đá 10x20(1521-01)

Loại 2: đá 5x10 (1521-02)

Loại 3: đá 05 (hay còn gọi là mặt đá)(1521-03)

Loại 4: bột đá (1521-04)

Loại 5: cát vàng (1521-05)

Loại 6: nhựa đường (1521-06)

Loại 7: nhũ tương (1521-07)

Nhóm nguyên vật liệu phụ: 1522

*oxy: 1522-01

*que hàn: 1522-02

Nhóm nhiên liệu: 1523

*Dầu FO: 1523-01

*Dầu nhòn: 1523-02

*Dầu Diesel: 1523-03

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 3.1: Sổ danh điểm vật tư

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu nhóm		Tên quy cách chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm vật liệu				
Nhóm nguyên vật liệu chính					
1521					
	1521-01	Đá 10x20	m ³		
	1521-02	Đá 5x10	m ³		
	1521-03	Đá 05	m ³		
	1521-04	Bột đá	kg		
	1521-05	Cát vàng	m ³		
	1521-06	Nhựa đường	kg		
	1521-07	Nhũ tương	kg		
		
1522					
	1522-01	Oxy	chai		
	1522-02	Que hàn	cái		
		
1523					
	1523-01	Dầu FO	kg		
	1523-02	Dầu nhòn	lit		
	1523-03	dầu Diesel	lit		
		

Trên cơ sở Sổ danh điểm vật liệu đã được lập, ta có thể thay Bảng tổng hợp nhập-xuất - tồn hiện tại công ty đang sử dụng bằng một 1 Bảng tổng hợp nhập -xuất- tồn khác theo chỉ tiêu giá trị để tránh sự trùng lặp trong việc ghi chép.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 3.2: Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu theo chỉ tiêu giá trị

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU
(theo chỉ tiêu giá trị)

STT	Số danh điểm vật tư	Tên vật tư	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
	152.nguyên vật liệu					
	1521:nguyên vật liệu chính					
	1521-01					
	1521-02					
	1521-03					
	1521-04					
					
	1522:nguyên vật liệu phụ					
	1522-01					
	1522-02					
					
	1523:nhiên liệu					
	1523-01					
	1523-02					
	1523-03					
					
	Cộng					

Trở lại với VD1, VD2, VD3 trong phân hạch toán chi tiết nguyên vật liệu và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn công ty đã lập tháng 8/2011 ta tiến hành ghi chép lại theo bảng đã được thiết kế như trên. Cụ thể như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN

(Tháng 8/2011)

(Theo chỉ tiêu giá trị)

STT	Số danh điểm vật tư	Tên vật tư	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
	152:nguyên vật liệu					
	1521:nguyên vật liệu chính					
	1521-01	Đá 10x20	3.360.000	43.360.000	40.480.000	6.240.000
	1521-02	Đá 5x10	1.980.000	89.430.000	88.935.000	2.475.000
	1521-03	Đá 05	2.132.500	33.875.000	31.625.000	4.562.500
	1521-04	Bột đá		452.835.900	437.965.000	14.870.900
	1521-05	Cát vàng	84.170.000	627.000.000	621.870.000	89.300.000
	1521-06	Nhựa đường		445.385.400	443.734.200	1.651.200
	1521-07	Nhũ tương	5.152.115	57.220.320	49.292.105	13.080.330
					
	1522:nguyên vật liệu phụ					
	1522-01	Oxy	2.052.000	1.292.000	1.406.000	1.938.000
	1522-02	Que hàn
					
	1523:nhiên liệu					
	1523-01	Dầu FO		153.038.533	113.627.197	39.411336
	LPXD			4.073.400	3.026.400	1.049.700
	
	Cộng		138.160.765	2.238.141.101	2.218.504.305	157.797.561

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

☞ Ý kiến 2: Hoàn thiện về thủ tục nhập - xuất kho nguyên vật liệu

Hiện nay công ty vẫn tiến hành mua nguyên vật liệu về nhập kho sau đó tùy theo yêu cầu thi công theo từng đơn đặt hàng thì bắt đầu làm thủ tục xuất kho. Như vậy việc thực hiện các thủ tục nhập xuất kho (trong khi không thực hiện việc nhập xuất kho) nhiều khi chỉ mang tính hình thức, phục vụ cho nhu cầu quản lý. Do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

Với cách làm như trên sẽ bị hao phí về lao động kế toán, thủ tục rườm rà. Theo em công ty nên xem xét loại bỏ thủ tục nhập - xuất kho mà làm thủ tục chuyên thẳng đến công trình thi công. Để xác định bộ chứng từ gốc làm căn cứ ghi Nợ TK 621, công ty có thể sử dụng hóa đơn mua hàng và tỷ lệ thiết kế theo 22TCN 249 (tỷ lệ thiết kế cho việc trộn các loại bê tông) cùng biên bản giao nhận được lập giữa bộ phận cung ứng và bộ phận tiếp nhận.

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Ngày..... tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

- Ông (bà).....Người cung ứng
- Ông (bà)..... Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư như sau:

STT	Quy cách chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng

Đại diện bên cung ứng

(ký, họ tên)

Đại diện bên nhận

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD4: Ngày 20/09/2011 mua 267 m³ đá 10x20 của Xí nghiệp tập thể 363 chưa thanh toán.

Đơn giản thủ tục nhập xuất bằng biên bản giao nhận vật tư để thuận tiện cho việc thi công. Biên bản này sẽ được lập ngay tại chỗ. Sau đó chuyển hóa đơn, biên bản lên phòng kế toán làm căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao người mua
Ngày 20 tháng 09 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: TA/11P
Số: 0000045

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp tập thể 363
Mã số thuế: 0200690463
Địa chỉ: Số 89 Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng-Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng
Mã số thuế: 0200758471
Địa chỉ: Khu Phú Hải- Phường Anh Dũng- Quận Dương Kinh-Hải Phòng
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đá 10x20	m ³	267	160.000	42.720.000

Cộng tiền hàng: 42.720.000
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT: 4.272.000
Tổng cộng tiền thanh toán: 46.992.000

Số tiền viết bằng chữ: *Bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tỷ lệ thiết kế theo 22TCN 249 cho loại bê tông nhựa hạt thô (BTNC 25)

Loại vật liệu	Đá 10x20	Đá 5x10	Mạt đá	Cát	Bột đá	Nhựa đường	Ghi chú
Phần trăm	35	25	18	18	4	5	

Như vậy tùy thuộc vào khối lượng thi công mà công ty có định hướng cung ứng nguyên vật liệu cho tổ đội thi công sao cho phù hợp và làm thủ tục chuyển thẳng đến công trường.

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Ngày 20 tháng 09 năm 2011

Chúng tôi gồm:

-Ông (bà) Vũ Thị Việt.

Người cung ứng

-Ông (bà) Nguyễn Văn Dũng.

Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư như sau:

STT	Quy cách chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Đá 10x20	m ³	267

Đại diện bên cung ứng
Vũ Thị Việt

Đại diện bên nhận
Nguyễn Văn Dũng

☞ Ý kiến 3: Áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán

Hòa nhập với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và xu hướng tiến bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng khoa học công nghệ thông tin trong hạch toán là hoàn toàn cần thiết. Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán có nhược điểm là chi phí cao nhưng mang lại rất nhiều lợi ích kinh tế. Công ty đã áp dụng điều này trong kế toán vật liệu nhưng vẫn còn hạn chế. Hầu hết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vẫn được ghi theo phương pháp thủ công. Việc đưa công nghệ thông tin vào lưu trữ số liệu nhập xuất vật tư hàng ngày sẽ giảm bớt được thiếu sót, độ an toàn về dữ liệu cao, các thông tin đưa ra kịp thời, chính xác.

Công ty có thể đặt mua một phần mềm kế toán riêng phù hợp với đặc điểm của công ty. Phần mềm kế toán có rất nhiều ưu việt:

- Thu thập xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho công ty chủ động trong công tác kiểm soát các thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy mục đích.
- Việc xử lý trình bày cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của DN là liên tục, có căn cứ đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng sử dụng khác nhau.
- Hơn nữa việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

☞ Ý kiến 4: Cần thiết phải có sự nghiên cứu tìm hiểu thị trường

Mặc dù hiện nay nguyên vật liệu không thiếu, thậm chí một số nguyên vật liệu rất dồi dào nhưng các loại nguyên vật liệu này xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau, chất lượng khác nhau. Vì vậy việc thiết lập những nguồn cung ứng nguyên vật liệu lâu dài là rất quan trọng, điều này công ty CPXD công trình đường bộ Hải phòng đã và đang làm được. Tuy nhiên bên cạnh những nhà cung cấp quen thuộc, công ty cần có kế hoạch thăm dò tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt hơn, đem tới cơ hội tăng chiết khấu, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng có lợi cho doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Không những thế, tìm hiểu tốt thị trường còn giúp DN có những bước đi đúng đắn trong thu mua, dự trữ ở những thời điểm khác nhau, tránh tình trạng mua phải nguyên vật liệu với giá cao khi có sự khan hiếm hoặc không đủ nguyên vật liệu đáp ứng cho quá trình sản xuất.

☞ Ý kiến 5: *Nâng cao việc quản lý nguyên vật liệu*

Việc quản lý vật tư tại công ty hiện nay về cơ bản là tương đối chặt chẽ, tuy nhiên qua thực tế tại đội thi công cơ giới em thấy quản lý còn một số thiếu sót gây lãng phí vật tư. Nguyên nhân chủ yếu là do việc giao nhận giữa các loại vật tư này không được cân, đo, đong, đếm kỹ lưỡng trong khi chỗ để vật liệu lại thường xuyên chuyển đổi. Vì vậy trong thời gian tới công trường cần chuẩn bị nhà kho chứa nguyên vật liệu để thuận tiện cho việc bảo vệ và việc cân, đo, đong, đếm cũng phải tiến hành chặt chẽ hơn, tránh tình trạng thất thoát nguyên vật liệu một cách vô ý không ai chịu trách nhiệm.

☞ Ý kiến 6: *Hoàn thiện công tác kiểm kê kho*

Tại công ty công tác kiểm kê kho chưa được chú trọng. Đây là một hạn chế rất lớn cần phải khắc phục. Mục đích của việc kiểm kê là xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng vật tư tồn kho, phát hiện sự chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh lại công tác quản lý vật tư.

Trước mỗi lần kiểm kê vật tư khi được sự thông báo của Hội đồng kiểm kê công ty, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời ở phòng kế toán các sổ kế toán về vật tư đều phải được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị hàng tồn kho của vật tư.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếmHội đồng kiểm kê thể hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản này giám đốc công ty cùng với Hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như: thanh lý, nhượng bán quyết định đòi bồi thường nếu các nhân làm mất mát hay gây hư hỏngCăn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Công tác chuẩn bị:

- Bố trí ngày giờ phù hợp (thường là cuối năm). Tại thời điểm kiểm kê ngừng nhập xuất hàng tồn kho.

- Thành phần ban kiểm kê đảm bảo tính khách quan, ít nhất là thủ kho, kế toán vật tư và một người ở bộ phận khác độc lập không liên quan.

- Yêu cầu thủ kho sắp xếp lại kho hàng để chuẩn bị cho công tác kiểm kê, và nếu được nên tiến hành chia tách từng nhóm vật tư.

*Tiến hành:

- Lập một danh mục hàng tồn kho từ sổ sách kế toán, thủ kho sử dụng sổ kho.

- Khi tiến hành kiểm đếm phải bố trí sao cho việc sắp xếp được khoa học, không bị đếm trùng trong quá trình cân, đo, đong, đếm.

- Đồng thời đối chiếu với thẻ kho mà thủ kho đã ghi chép. Đếm xong lô vật tư nào có thể bằng việc dán một mảnh giấy đóng dấu, ký tên ghi rõ thời điểm kiểm kê.

*Kết thúc:

Lập bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (mẫu số 05-VT), các bên tham gia ký vào biên bản.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 3.3: Mẫu biên bản kiểm kê vật tư

Công ty CPXD công trình đường bộ Hải Phòng
Khu Phú Hải-Anh Dũng –Đương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số 05-VT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

- Thời điểm kiểm kê:.....giờ.....ngày.....thángnăm

- Ban kiểm kê gồm:

Ông /Bà:.....Chức vụ.....Đại diện.....Trưởng ban

Ông /Bà:.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên

Ông /Bà:.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên

- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

STT	Tên nhãnhieu quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo số kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
									Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩ m chất	Mất phẩ m chất
					SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng	x	x	x	x		x		x		x		x	x	x

Ngàythángnăm

Giám đốc
(ý kiến giải quyết
số chênh lệch)
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký ,họ tên)

Thủ kho
(ký ,họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(ký ,họ tên)

3.2.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp kế toán nguyên vật liệu trong công ty

Để các giải pháp đưa có tính khả thi đòi hỏi có những điều kiện nhất định. Các điều kiện này phải có từ phía nhà nước và doanh nghiệp.

*Về phía nhà nước:

Đây là điều kiện mang tính chất vĩ mô đòi hỏi phải được thực hiện đồng bộ từ chính phủ đến cơ quan chức năng có liên quan.

- Tạo dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý thuận lợi như Bộ Tài Chính cần thông qua và soạn thảo hoàn chỉnh hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam trên cơ sở tham khảo chuẩn mực kế toán quốc tế, rà soát xem xét lại các loại các văn bản có liên quan đến công tác kế toán, tài chính của DN để đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản, hạn chế đến mức tối đa việc liên tục ban hành các văn bản dưới dạng thông tư, nghị định.

- Cần quan tâm đến yếu tố con người để có đội ngũ kế toán viên có trình độ chuyên môn cao, nhà nước cần có chính sách thích hợp trong đào tạo.

- Cần tổ chức tốt việc kiểm tra, kiểm soát chất lượng công tác kế toán.

*Về phía bản thân DN:

Các giải pháp chỉ có thể thực hiện được khi DN có nhận thức đúng đắn về kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng, có đội ngũ cán bộ quản lý và kế toán đủ năng lực và trình độ chuyên môn, có sự quan tâm đúng mức đến cơ sở vật chất kỹ thuật của bộ phận kế toán. Tất cả các yếu tố này đều liên quan đến một đối tượng trong doanh nghiệp đó là “con người”. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc DN phải có chính sách phát triển nguồn nhân lực.

KẾT LUẬN

Sau một thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng được làm quen với thực tế hạch toán nguyên vật liệu cùng với phần lý thuyết đã được nghiên cứu em đã học hỏi được rất nhiều điều bổ ích để củng cố thêm những kiến thức về lý thuyết về lý luận mà em đã học được ở trường. Đồng thời đợt thực tập này cũng giúp em nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu đối với việc quản lý vật liệu và quản lý của công ty. Thấy được những mặt mạnh cần phát huy và những tồn tại cần phải khắc phục nhằm góp phần nhỏ bé hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần XDCT đường bộ Hải Phòng. Chuyên đề cũng đã đề xuất những định hướng cơ bản cũng như những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng và công tác kế toán nói chung.

Do trình độ lý luận và thời gian thực tập còn hạn chế, chuyên đề mới chỉ đưa ra được ý kiến bắt đầu chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được các ý kiến đóng góp của cô giáo hướng dẫn, các thầy cô giáo để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn cả về lý luận và thực tiễn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô giáo Thạc sỹ Ngô Thị Thanh Huyền cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Công ty CPXD công trình đường bộ Hải Phòng đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Vũ Thị Hương Sen

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyển 1- Hệ thống tài khoản kế toán (Bộ Tài Chính- Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản Thống kê).
2. Quyển 2- Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán (Bộ Tài Chính- Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản Thống kê).
3. Các bài khóa luận của các anh chị khóa trước.
4. Các số liệu, sổ sách kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng công trình đường bộ Hải Phòng.